

KIỆP TRÂM LUÂN

NGUYỄN LÂN

Năm 1970, lần đầu tiên bước vào nhà tù, Côn vừa tròn mười ba tuổi. Ở tuổi này, các thiếu niên khác còn sống trong khuôn khổ gia đình, trong vòng tay cha mẹ, còn được săn sóc trông nom, còn được hướng dẫn chỉ bảo. Côn không có ai lo cho hết. Côn ra đời được sáu tháng sau thì mẹ mất, để lại hai đứa con, Uyên và Côn. Côn không biết ngày mẹ mất ra sao, sau này, khi nghe chị Uyên kể lại mới biết mẹ mình uống thuốc độc tự vẫn vì chồng rượu chè, trai gái không ngó ngang gì đến vợ con. Mẹ Côn cạn chén độc được ngay trước mắt chồng mà ông cũng không hay biết; ông còn chuếnh choáng hơi men đến khi vợ gục ngã, ông mới tỉnh rượu, mang vợ vào nhà thương rửa ruột thì đã quá muộn. Ông thương tiếc vợ, nhưng bản chất ham vui, ông vẫn chứng nào tật nấy; hai đứa con gửi đi hai nơi, Uyên sang bên ngoại còn Côn ở với bà nội. Bà nội đã già, nhà lại nghèo, bố Côn năm thì mười họa mới về nhà thăm mẹ già con dại nên cuộc sống của Côn thiếu thốn ngay từ nhỏ, thiếu cả vật chất lẫn tinh thần.

Uyên may mắn hơn em, được đưa về bên ngoại, gia đình giàu sang sung túc, nhưng có cái khổ khác vì mẹ theo cha ngoài ý muốn của gia đình nên Uyên cũng

không được các dì, các bác thương yêu ngoại trừ ông bà ngoại.

Ngày trước cô Yến, mẹ của hai chị em Uyên nổi tiếng hoa khôi Sài Gòn, biết bao gia đình khá giả ngám ghé cho đến ngày Yến gặp Quyền, một thanh niên đẹp trai tán giỏi, hai người say mê nhau, lúc ấy Yến mới mười lăm, còn Quyền mới mười tám tuổi, cả hai đang còn học tại một trường Trung Học tư thục Đô Thành. Cha mẹ Yến không chấp nhận tình yêu bỗng bột của con gái, ông bà đã nhận trầu cau của một gia đình tăm tiếng, môn đăng hộ đối. Một sáng, Yến bỏ nhà ra đi theo tiếng gọi của ái tình; kết quả là hai đứa con kháu khỉnh bị bằm ra đời. Yến mang con về tạ tội cha mẹ, nàng được cha mẹ chấp nhận trở lại nhưng người rể vẫn không được quyền bén mảng đến nhà cho mãi đến ngày Yến mất.

Thời gian đầu, khi mới có bé Uyên là lúc gia đình hạnh phúc; Yến được cha mẹ cấp dưỡng một số tiền đủ để mở cửa hàng vải buôn bán ngoài chợ Bến Thành, Quyền đi học ngành hàng hải, ra trường trở thành thuyền trưởng cho một tàu tư nhân lương cao. Cuộc sống no ấm đầy đủ cho đến ngày bé Côn ra đời Quyền bắt đầu say sưa chè chén, có tiền trong tay, đàn bà con gái bám đầy có những ngày tàu cập bến, biết tin chồng đã về, nhưng Yến

chẳng nhìn thấy mặt chồng đến ngày cuối cùng tâu được lệnh chở hàng đi nàng mới thấy Quyền về nhà trong men say nồng nặc, về để thay đổi quần áo, chẳng kịp hàn huyên tâm sự, chàng lại vội vã rời nhà, cũng không kịp nựng con. Cứ như thế, YẾN sống thui thủi với hai đứa nhỏ, nàng khóc thầm vì chẳng còn ai than thở, chẳng thể tâm sự với cha mẹ, chị anh. Cứ như thế, YẾN héo mòn dần, nàng mong ngóng chồng trong u sầu, hờn tủi. Quyền họa hoàn tạt qua nhà lấy vật dụng, đôi khi cũng mua quà tặng vợ con, nhưng chàng hoàn toàn quên hẳn bổn phận của một người chủ gia đình, quên hẳn mình có một cô vợ trẻ và hai đứa con thơ

Côn khôn lớn trong vòng tay bà nội già nua lẫn thẩn, bà vừa điếc vừa lãng trí. Cứ đến cuối tuần ông ngoại chở chị Uyên về thăm, Côn vui mừng vô cùng, được nô đùa thả cửa với chị, được ông ngoại chở lên Chợ Lớn ăn mì vịt tiềm, được bà ngoại đưa đi mua đồ chơi. Đã nhiều lần ngoại nhắc con về xin cho Côn về đặng ngoại, nhưng nội thương Côn quá, nói chỉ có hai bà cháu hủ hủ với nhau trong cảnh già, nội nhất định giữ Côn. Vả lại, chính cậu bé cũng không muốn xa bà nội về đặng ngoại, cậu bé cảm thấy nhà ông bà ngoại to lớn sang trọng quá, các dì các cậu đáng sợ quá, các anh em họ chỉ thích chòng ghẹo nạt nộ chị em Côn. Nói gì thì nói, Côn nhất định bám chặt bà nội, càng lớn cậu càng tìm cách tránh gia đình bên ngoại. Ông bà ngoại buồn lắm, đành chịu vậy cho đến ngày bà

ngoại qua đời thì coi như chuyện xin Côn về phải bỏ qua.

Nội khéo tay lắm, bà kết cho Côn và Uyên mỗi đứa một cái nón rơm, vừa rẻ lại vừa che nắng che gió mỗi khi ra đường, nội không có dư dả tiền nhưng không bao giờ nội hỏi tiền con trai để may sắm cho cháu; con trai bà mỗi tháng có đưa tiền cho bà chi tiêu nhưng cũng chỉ vừa vặn trả tiền nhà, tiền ăn. Nội cứ sợ Quyền túng thiếu mà bà là mẹ đã không giúp đỡ được con, sao đành tâm xin xỏ. Nội chiều con trai từ tấm bé, từ ngày cha nó mất cũng như bây giờ nội chiều thằng Côn vì nó không còn mẹ. Bà nghèo, suốt đời chỉ có hai bộ bà ba đen thay đổi, suốt đời bà chưa biết đến thỏi son, hộp phấn, bà khù khờ chẳng biết con mình sinh sống ra sao, bà chỉ biết con bà bận lắm, có khi cả tháng mới được gặp mặt, chắc vì vậy mà con vợ nó tự tử, con nhỏ ngu quá, đã hai mặt con mà chưa hiểu lòng chồng, chưa biết nghĩ tới con; bà có thằng Côn rồi bà đâu có cần ai; bà cũng nhớ bé Uyên, đứa cháu gái xinh đẹp mũm mĩm, nhưng bà không thể giữ hai cháu được; vả lại bên họ ngoại nó giàu có, lo cho nó đầy đủ là bà mãn nguyện rồi.

Khi nội đưa nón rơm cho hai cháu, bé Uyên cầm lấy nhưng có vẻ không thích, cô bé đã quen dùng đồ xa xỉ, cô thấy cái mũ rơm này chẳng giống ai nhưng thương nội cô không nỡ vứt. Riêng Côn, cu cậu mừng lắm, Côn đội ngay lên đầu, chạy ra đường khoe mấy đứa cùng xóm thằng Thực, thằng Thủ là hai đứa con nhà nghèo xát

vách nhìn Côn thán phục, dơ tay mân mê cái nón rơm trông cứ như mũ của Robin Hood, thằng Sang con nhà giàu, nhà ba tầng ở cuối đường mặt ngệt ra nhìn cái nón rơm, rồi ôm bụng cười lăn lộn. Côn cúi tiết, đấm một cú thật mạnh vào cái miệng đương toe toét, máu vọt vào mặt Côn, hai cái răng cửa lay lứt như muốn rụng! Sang rú lên đau đớn, nội chạy ra bế Sang vào nhà lấy nước muối đắp rồi hối hả ẵm thằng Sang về nhà nó từ đấy, không bao giờ Côn được chơi với thằng Sang nữa, và cũng từ đấy, Côn biết thế nào là giàu nghèo sang hèn, biết thế nào là ganh ghét hận thù. Lúc ấy Côn mới tám tuổi. Côn đi đến đâu, những cô cậu trắng trẻo, mũm mĩm, ăn mặc tươm tất đều trốn tránh. Có lần Côn hỏi chị Uyên: “Tại sao cái tụi con nhà giàu cứ thấy em ở trường cũng như bắt cứ chỗ nào đều lẩn cả?” Uyên nhìn em thương hại dù lúc đó cô bé mới mười hai: “Tại em anh hùng quá nên chúng nó sợ”. À, thì ra vậy, từ nay trở đi, Côn cứ thế mà anh hùng, cứ thế mà uy hiếp chúng nó bằng võ lực; đứa nào mạnh hơn có gan gây sự với Côn, cậu bé sẽ chống trả đến cùng, có thể mới anh hùng!

Năm Côn mười tuổi, nội mất. Tuy chưa hiểu thế nào là “sinh ly, tử biệt”, Côn cũng cảm thấy mất mát quá nhiều, còn đâu những lúc bà cháu kê cận bên nhau, còn ai nâng niu săn sóc, còn ai ôm ấp che chở. Côn ôm chặt xác bà nằm cứng đờ trên giường, lay giựt, cậu không khóc, nhưng cậu vẫn mong bà nghe tiếng gọi thương

yêu mà tỉnh dậy. Ông Quyền, cha cậu phải bế xốc con sang phòng bên, khóa trái cửa, nhốt Côn lại để nhà quản tắm liệm bà cụ. “Sinh ký, tử qui” là lẽ thường tình mà sao thằng bé nó sâu thẳm, dính bà đến thế? Thằng bé này phải cho ra đời sớm, phải dạy dỗ hơn nữa mới được. Ông Quyền không mấy thích Côn vì mắt nó vừa ti hí, vừa gườm gườm, người thì choắt lại, trông toàn vẻ nó du đãng còn đồ làm sao ấy! Ông yêu bé Uyên hơn, càng lớn nó càng xinh đẹp duyên dáng, nó giống ông nhiều, nhưng sao nó cũng có vẻ lẩn tránh ông? Cả hai đứa con thấy mà chán, chẳng đứa nào quấn quít cha! Nhưng nghĩ cho cùng, ông có thì giờ gần gũi con cái đâu mà đòi nó quấn quít?! mà nếu nó cứ bám ông suốt ngày thì làm sao chịu nổi? Thôi thì, mặc ai nấy sống, ông cung cấp tiền bạc cho chúng nó là đủ rồi, ông còn trẻ, ông phải sống cho ông trước đã bài bạc, rượu chè, gái đẹp là những món cần thiết đối với ông; rồi các con ông lớn lên chúng sẽ hiểu và chúng sẽ đồng ý với ông về cuộc sống ngăn ngừa cần phải tận hưởng được phút nào hay phút nấy. Ngắm các con, nghĩ tới người vợ quá cố, ông Quyền thở dài. Ông vẫn xót thương vợ nhưng ông thấy vợ ông quá dại dột sai lầm. Ông phải quên đi dĩ vãng buồn thảm. Nghĩ tới mẹ già qua đời ông đâm lo, Uyên đã có bên ngoại coi sóc, nhưng ai nhận thằng Côn đây? Thằng bé này cứng đầu lắm, nó không chịu về sống với gia đình bên ngoại, ông không thể nào cáng đáng đứa con này. Ông Quyền chột

thấy một tia sáng lóe ra trước mắt khi người anh lớn, ông Quan đang quì trước bàn thờ mẹ. Ông Quan gần mẹ và thương em trai lắm, ông sẽ nhận lãnh thằng Côn.

Sau cái tang bà nội, bác Quan mang Côn về chung sống với gia đình ông, một bà vợ khó tính lắm điều, hay nói tục và một cậu con trai hiền lành nhút nhát hơn Côn hai tuổi, cậu Hãn cho có anh có em. Côn thương anh Hãn, luôn luôn che chở Hãn những khi bị bọn con nít lối xóm chế giễu vì tính rụt rè e lệ; nhiều lúc Côn phải đập lộn với những đứa to con hơn nhưng không vì thế mà cậu lui bước. Hãn đứng ngoài máu nóng bốc lên, không nhịn nổi, cũng lao vào vòng chiến, dần dần Hãn chinh phục được bản tính yếu đuối, hai anh em xát cánh nhau khiến bọn con nít chòm xóm phải gờm. Nhưng, mỗi lần ẩu đả, mỗi lần mặt mũi sưng vù, quần áo tả tơi là mỗi lần bác Quan gái cho cả hai một trận đòn. Riêng Côn, bác còn nhiếc móc, dùng những lời thật hạ cấp, những lời hàng tôm hàng cá để nạt nộ thằng bé mất dạy, du dương làm gương xấu cho con bác. Côn lớn lên trong khung cảnh đó, Côn học những lời nói bậy từ bác Quan gái bệnh hoạn, Côn học thói anh chị từ những bạn bè xấu, Côn cảm thấy thù đời, Côn cảm thấy ghét cay ghét đắng những đứa bé có gia đình đầy đủ, Côn cảm thấy hận người lớn, Côn bắt đầu nói dối để khỏi bị những lần roi quất đít của bác Quan trai, khỏi bị nghe những lời nhục mạ nặng nề của bác Quan gái; Côn bắt đầu thưởng những món đồ khi

được đi đến nhà bạn bè của hai bác để thỏa mãn những ao ước của cậu. Mỗi lần cùng Hãn cắp sách đến trường, Côn bỏ đi lang thang sau khi năn nỉ anh về nhà dừng cho hai bác biết. Cứ thế Côn xuống dốc dần dần

Bọn Côn ba đứa, thằng Hùng điên lớn nhất mười bảy, thằng Cường cứng mười sáu và Côn nhỏ nhất nhưng lại là đầu xỏ đều là những đứa không không cha hoặc không mẹ, đều là những đứa trẻ bị xã hội lãng quên nhóm lại thành một băng chuyên tẩu đồ ăn cắp ra bán trong chợ, ngoài đường phố Hãn biết những hành động của Côn, nhưng sợ em, cậu không dám nói lại những gì Côn làm cho cha mẹ hay. Ông bà Quan lúc đầu còn cất vấn Côn những đêm vắng mặt, rồi cũng chẳng thèm để ý đến cháu nữa, mặc nó muốn ra sao thì ra. Thỉnh thoảng ông Quyền, cha Côn đến thăm con cũng không được gặp mặt, ông cũng chẳng màng, gửi tiền cho anh chị nuôi con xong ông rũ áo ra đi không hẹn ngày trở lại. Côn có muốn gặp cha cũng khó, mà gặp để làm gì? Lâu dần, Côn cũng chẳng thấy nhớ cha. Ngày qua ngày, thấm thoát đã ba năm kể từ lần đầu Côn bị cảnh sát bắt tại trận khi cậu đứng rạch túi áo một bạn hàng ngoài chợ Tân Định. Lần ấy người lính Côn ra là ông thầy dạy tư của Hãn. Hãn van xin thầy đón Côn tại ty cảnh sát và giữ kín chuyện không cho ông bà Quan hay. Ông thầy biết Hãn ngoan ngoãn hiền lành, và thương Côn không cha không mẹ nên bảo lãnh Côn. Lần ấy Côn bị ăn mấy cái tát méo mặt của mấy thầy

cảnh sát. Người lớn không ai biết, Côn mang nặng mặc cảm hư đốn, sợ không dám tìm gặp bố nữa nhưng Côn vẫn mong gặp chị Uyên. Có lần, Côn đến đón chị trước cổng trường Gia Long, nơi chị Uyên học. Cậu đứng lẩn sau một gốc cây lớn khi thấy chị từ trong trường bước ra, vui tươi, xinh đẹp, nhí nhảnh, duyên dáng mấy cậu trai bu quanh xin xỏ tranh nhau đưa chị Uyên về. Côn bực lắm, nhảy xổ ra sừng sộ, dậm dọa. Chị Uyên thẹn thùng la mắng Côn và cấm không cho Côn đến trường đón nữa. Côn buồn lắm, từ ngày ấy, cậu chỉ còn dám lén theo hộ tống chị xa xa. Một bữa, Uyên về thăm em tại nhà bác Quan, hai chị em đang chuyện trò vui vẻ, bỗng nghe thấy tiếng còi xe Honda Scooter vang rinh ngoài đường; Uyên vội vã đứng lên, nói với em: “Mày chạy ra đường nói anh Hoàn chờ chị một chút, chị ra ngay”. Côn đứng phắt dậy, tông cửa ra ngoài.

Khi Uyên yếu điệu ra với bồ thì nàng khựng lại vì Hoàn đang nằm sững sượng dưới đất, Côn một chân trên mặt đường, một chân dậm lên ngực Hoàn, tay chống nạnh dáng anh chị đang cười sằng sặc. Uyên giận quá, cô đưa tay tát mạnh vào mặt em, xô Côn ra, Côn không phản ứng. Hoàn lồm cồm đứng dậy, ngượng nghịu. Uyên nhìn bồ ngao ngán, ra lệnh : “Dựng xe lên, đi!”. Xe rồ máy, Uyên đưa mắt nhìn em, cô thấy chạnh lòng Côn ngồi sệp trên vỉa hè, hai tay ôm mặt hình như nó khóc

Từ ngày ấy, Côn không bao giờ dám làm chị phiền lòng, Côn không bao giờ dám dính mũi vào những chuyện tình cảm của chị nữa. Côn còn có mỗi mình Uyên là thương Côn chân thành thôi, dù hỗn láo ở đâu, du đặng với ai nhưng đối với chị Uyên cậu là một đứa em ngoan ngoãn lễ độ, dù cậu không thích chị đi chơi, đàn đúm với những chàng trai trẻ. Cũng từ ngày ấy, Uyên không bao giờ to tiếng la mắng em nữa, cô thương em, cô thấy xót xa trong dạ mỗi lần gặp em ngày một ốm o bần thỉu; hai chị em ở hai nơi, Uyên không lo cho em được chút gì, tình mẫu tử cả hai đứa cùng không có, cô đã biết; tình phụ tử cả hai đứa cùng thiếu thốn, cô đã biết. Nhưng Uyên may mắn được sống với ông ngoại giàu có, được ông ngoại thương yêu bên vức những khi các bác, các dì, các cậu xỉ vả vì nhiều người đưa rước, vì ham chơi. Uyên may mắn hơn em vì cô xinh đẹp, duyên dáng nên ai nói gì thì nói cô vẫn được bao chàng trai săn sóc chiều chuộng. Về đàng bác Quan thăm em, Uyên lại muốn khóc vì thằng bé trông tiêu tụy quá; mà sao ánh mắt nó đầy vẻ căm thù, đầy vẻ sắt thép mỗi lần Uyên thoáng bắt gặp; ánh mắt Côn chỉ dịu đi, tươi vui ngây thơ trở lại khi hai chị em trò chuyện với nhau. Mới mười lăm tuổi mà trông thằng bé như đã hai mươi tuổi; nó có vẻ trầm lặng ít nói, nó có vẻ nghiêm nghị lạnh lùng, nó có vẻ khôn ngoan tính toán, nhưng ánh mắt nó mới buồn làm sao! Côn không bao giờ hỏi chị về người mẹ đã mất,

người mẹ mà Côn chưa hề biết mặt, hai chị em chỉ nhắc nhở đến người cha mà cả hai đều thương yêu nhưng ít có cơ hội gặp gỡ, hai chị em mừng rỡ ra cảnh bề mênh mông mà cha chúng đương thi hành nhiệm vụ hải thuyền, hai chị em tưởng tượng ra cảnh bão tố điên cuồng ngoài biển khơi mà cha chúng đang lèo lái con tàu, đưa hải hành đoàn về đến bến bình an. Cha chúng phải là một anh hùng. Lớn hơn em, Uyên không nhìn cha một cách tôn sùng như thế, cô biết cha nhiều bề bích, cô biết cha không có trách nhiệm với gia đình, cô biết vì cha mà mẹ tự tử, nhưng cô không nói cho Côn hay để ít ra thằng bé còn nuôi ảo mộng, còn có chỗ nương tựa tinh thần. Hai chị em trò chuyện với nhau thật tương đắc, hai bác Quan cứ bảo thằng bé ngang tàng lì lợm, nhưng Uyên thấy nó hiền quá đi, nàng bảo gì nó cũng vâng dạ, các anh chàng bồ của Uyên có thể đến đón nàng mà không còn e ngại Côn hành hung nữa nhưng sao các cậu vẫn ngán bản mặt Côn ngay từ phút đầu gặp gỡ, các cậu thú thật với Uyên là trông nó cô hồn lắm, nó có thể giết người, ánh mắt nó thấy mà phát rùng mình, ánh mắt đó là ánh mắt báo tử! Uyên thở dài chẳng biết trả lời ra sao về những nhận xét của các bạn trai; có lần nàng nói thẳng với Côn về ý nghĩ của mọi người, Côn chỉ cười, nụ cười trong sáng: “Mấy người ấy nói đúng nếu như mấy người ấy làm hại chị, mấy người ấy sẽ được hưởng cảm giác mà mấy người ấy thấy nơi em”.

Một chiều ba mươi Tết, Côn xin phép hai bác Quan ra riêng, sống với các bạn. Bác trai tỏ vẻ quan ngại, bác nói: “Con mới mười lăm tuổi, ba con gửi con ở đây; con đi rồi, bác biết nói sao với ba con? Hơn thế nữa, lòng bác lo lắng lắm dù bấy lâu nay bác không có thì giờ trò chuyện với con nhưng ít ra còn nhìn thấy con ra vào. Không có bác, con sẽ sống ra sao?” Bác gái không nói năng gì nhưng vẻ vui mừng hiện rõ trên nét mặt, bác chỉ muốn tống khứ Côn đi, bác sợ con trai bác lêu lổng như Côn “gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”, thằng này bất trị, chẳng thà để nó đi khuất mắt cho rồi. Bác gái quay sang chồng: “Để tôi đi lấy cho nó tám bánh chưng với ít dưa góp”.

Côn mang bánh về túp lều ván gỗ của ba đứa thuê chung, cùng hưởng đêm trừ tịch. Thằng Hùng điên lúi húi dọn bàn thờ, chưng hai cây nến đỏ trên chiếc đĩa nhựa, đốt ba nén nhang trong một cái bát sành sứ đựng gạo, thằng Cương cứng đi mua chai rượu chát và gói thịt quay, Côn ôm về ít mít bí và bánh chưng, dưa món. Thế là đầy đủ cả. Thế là chúng có một cái Tết xum vầy.

Mười hai giờ đêm, tổng cự nghinh tân, cả ba đứa luân phiên nhau vái trước bàn thờ. Cương lên tiếng: “Tao và hai đứa mày chẳng bà con thân thuộc, cúng tổ tiên ai đây?” Côn điềm đạm: “Thì mình chung sống thế này là anh em rồi còn gì nữa. Mình cúng chung tổ tiên của cả ba. Mày nhìn lên bàn thờ có thấy di ảnh người nào đâu? Mẹ tao trong tim tao, mẹ mày trong tim mày, bố mẹ thằng Hùng trong óc nó.

Hình ảnh đấy! Đây đủ quá!” Cả ba đứa cười nghiêng ngả, cười vang nhà mà nước mắt chúng ướt đầm hai gò má. Không có pháo đầu xuân nhưng cả ba đứa cùng nghe như tiếng pháo nổ đi đùng trước ngõ, chúng đang nhớ lại thời gian còn sống với gia đình. Hai đứa kia còn có mẹ khi chúng năm sáu tuổi, chúng còn nhớ nhiều về mẹ chúng, còn Côn có thấy mẹ bao giờ. Hình ảnh mẹ trên tấm hình 4x6 trong túi áo mà chẳng bao giờ nó rời. “Mẹ ơi!”

Hùng điên rút ngăn kéo, bưng một cái khay bạc cũ bản trên để một ống chích và ba ống thủy tinh nhỏ xíu, mỗi ống đựng chừng 1cc chất nước trắng trong đặt trên bàn. Đương mơ màng mà cả Côn lẫn Cương cứng đều bật dậy, reo vui: “Ô! Thần dược đây rồi!”

Ba đứa luân phiên hút thuốc ra ống, chích lẫn cho nhau. Chúng đã nghiện chất bạch phiến pha loãng này! Mà mua cũng đắt ra phết, giá mỗi ống bằng hai Đức Trần Hưng Đạo (tờ giấy năm trăm bạc Việt Nam hồi đó lộng hình Đức Thánh Trần). Cả ba đều cảm thấy lâng lâng, sáng khoái sau khi mũi kim rút ra khỏi thịt da. Phải chích cho yêu đời để đón mừng năm mới! Nhớ có hồi thuốc đắt quá, không có ống chích chúng chôm được chút bột bạch phiến, chúng cắt tay ra, máu chảy ròng ròng được rịt lại bằng chất bột trắng thần dược!

Tiếng đập cửa thình thình làm cả ba đứa bừng tỉnh, cùng đứng bật dậy. Côn điềm tỉnh ra dấu cho hai bạn ngồi xuống, nhấc then cửa. Một bóng đen ào vào, Thịnh sút

hồn hển: “Tụi bay có gan đi ăn hàng ở ngã Sáu Chợ Lớn đêm nay không? Tiệm Hợp Tân vào tối nay không còn ai, cả nhà đi vắng, họ ăn Tết trên Đà Lạt”.

Cương cứng lên tiếng: “Cái tiệm mới mở hơn một năm nay chuyên bán xe đạp nhập cảng, phải không?”

- Đúng đó! Bọn chúng làm ăn phát đạt nhất vùng ngã Sáu Chợ Lớn. Tao nghe lời thằng Côn rình tiệm này từ lâu rồi.

- À, thì ra thằng đầu sỏ tinh quá há, muốn ăn mảnh sao mà không bàn với anh em? Hùng điên có vẻ bực.

- Tính mày nóng hay làm bể chuyện, thằng Cương thì thiếu sự mềm mỏng; vậy tao bàn với tụi bay làm chi? Bao giờ ra tay, tao bật đèn xanh là cùng làm vì thế tao mới để thằng Thịnh sút canh chừng tiệm đó trước.

Côn lạnh lùng nhìn thẳng vào mặt đồng bọn, rồi quắc mắt quay sang phía Thịnh: “Thằng này vẫn láu táu, nói năng vung vít. Đáng nhẽ mày phải nói với riêng tao. Tao mới là người cho chúng nó hay. Nhớ lấy, nghe chưa!”

Dưới ánh đèn vàng vọt, Thịnh sút mặt nhăn nhó, cười cười: “Biết rồi!” Cũng trạc tuổi Côn, nhưng Thịnh sút còn choắt người hơn, vóc chỉ bằng đứa trẻ mười hai, nhưng mặt nhăn nheo như một ông già. Trong bọn, thằng Cương to con nhất, vượt đồng bọn cả cái đầu, thằng Hùng xương xẩu vẻ liều lĩnh, bất cần đời, nhưng Côn mới là linh hồn của tụi nó, Côn nhanh như sóc mà điềm đạ, tính toán đầu ra đấy.

Chiều Đông Nhớ Nhà

*Chiều mùa đông chẳng mong mà tối sớm
Ánh trăng buồn giận dỗi lân sau mây
Thảm hoa vàng ảm đạm khép mi đầy
Em cũng thế ngồi thờ sau khung cửa*

*Ly rượu nhỏ ngậm dài lòng mới nửa
Quê nhà đâu sâu khuất rạng thông xa
Thoảng đây cốc chập chùng làng mạc cũ
Rượu thơm môi tưởng ngọt nụ hôn đầu*

*Có thật chẳng hay chỉ là hư cấu?
Dòng sông quê nhánh rẽ chảy qua thôn
Giàn hoa tím lẳng lơ đeo ngõ vắng
Nụ hoa quỳnh nở vội tối ly hương*

*Nhấp ngậm nữa say cho lòng vất vương
Còn điều gì trần trở nữa rồi quên
Trăng vẫn thế sao hờn trăng lên muộn
Lòng vẫn vợ dằng dặc dạ mây ngàn!*

Nguyễn Bạch

Côn giữ nhiệm vụ mở khóa cửa phía trước, Hùng bẻ khóa cổng sau để phòng có người ập đến còn có lối thoát, Cương sẽ tải đồ trên chiếc lambretta cỡi chuồng cửa hấn, Thịnh có phận sự canh chừng cảnh sát để báo cho đồng bọn. Phân công xong cả đám hí hửng rời nhà.

Đêm đã khuya, đêm Trừ Tịch yên vắng, nhà nhà đóng cửa đón Giao Thừa. Bốn đứa đèo nhau trên hai chiếc xe gắn máy cũ kỹ chực chỉ ngã sáu. Thăng Thịnh sút ôm chặt

bụng Côn vì nó biết Côn là một loại anh hùng xa lộ, phóng xe bất kể trời đất, cứ như bay trên mây, xe gắn máy nào Côn cũng vượt qua mặt dù chiếc scooter tồi tệ của Côn muốn long ra từng mảnh. Thăng Cương cứng gồng mình trên chiếc lambretta cố bám sát bạn. Hùng điên chửi thề: “Đ.M thăng Côn ngu như chó. Đi ăn hàng mà phóng xe thế này thì còn điên hơn tao, cảnh sát nó chặn bắt trước khi tới tụ điểm mất!”. Cương hét: “Để tao bảo nó bớt tốc độ”. Nhưng cu cậu không sao vượt nổi Côn, chỉ còn nước bám theo.

Côn hăm bắt thành linh, Thịnh sút bay ra đằng trước, đầu đập vào gốc cột đèn, đau đốn xuýt xoa vừa văng tục, vừa đứng dậy. Côn ngửa mặt cười một tràng dài Xe Cương tới sau, Hùng phóng xuống điểm mặt Côn: “Tiên sư nhà mày Đi cái điệu này có ngày cảnh sát hốt vào bót cả đám. Làm gì mà vội vậy?”

- Phóng như thế mới sướng, làm gì mà thỏ đế thế? Nhỡ ăn hàng không lọt ngồi bót nghĩ đến những lúc vừa rồi thấy cũng khoái.

- Mày ngu và điên hơn tao!

Côn im lặng không nói gì, mắt nó gườm gườm. Lúc này không phải là lúc cãi vã tranh thắng. Nhìn bảng hiệu Hợp Tân rạng rỡ dưới ánh đèn neon Côn đương nghĩ làm sao mở khóa vào mà không ai hay. Bây giờ gần Giao Thừa, nhà nào cũng tụ họp chờ đón giờ trọng đại, nhà nào cũng đóng kín cửa vui xuân.

(Còn tiếp)

NGUYỄN LÂN

CON ĐÒ BẾN CỘ

Khi mô về Bến Cộ
Nhớ cây đa, con đò
Nghe chuyện tình dang dở
Em nhìn chị ngẩn ngơ:

*À ơi con nước, con đò
Trên sông ai thả câu hò lưng lơ
Cát bồi cát lở tương tư
Con hầu con hén ngát ngư phận đời*

Khi mô về Bến Cộ
Em xin chị câu hò
Dù gặp nhiều gian khổ
Sao chị vẫn dành cho...

Khi mô về Bến Cộ
Em ghi lại câu hò
Hoa đầu mùa chưa trở
Em thấy chị buồn xo

Khi mô về Bến Cộ
Em nhớ mãi câu hò
Chim xa đàn lia tổ
Lạnh lùng chị co ro

Khi mô về Bến Cộ
Bao giờ bớt âu lo
Khua mái chèo, sóng vỗ
Trăm năm... lỗi hẹn hò

*“ Trăm năm đành lỗi hẹn hò
Cây đa, Bến Cộ, con đò khác đưa
Cây đa Bến Cộ còn lưu
Con đò đã thác năm xưa tê rồi “*

Phan Khâm

SỐ 65

NGÃ HỨNG LỤC BÁT

Em mang lục bát bước vào
Ngạt ngào hương sắc hoa đào áo bay
Áo tình bay vương vào mây
Bên cầu Ô thước đấng cay anh tìm

Lục bát lay động tuyệt vời
Con tim đồng bóng rã rời thịt da
Xiêm y em vẫn điệu đà
Ngụy trang trong cõi ta bà thế thôi

Em mang lục bát ra đi
Tình xưa trả lại nhắc chi thêm sầu
Nửa khuya đường lạnh mưa ngâu
Lạc loài áo lụa lên màu khói sương

Em mang lục bát đi tu
Cầu kinh giải thoát nhiệm mầu từ bi
Hỏi đời tình ái là chi ?
Xui tâm không tịnh khiến si không đời

Em ngâm lục bát bên mồ
Mưa thu rả rích trên hồ tịch liêu
Ngựa già vó đuôi nắng chiều
Xe tang thổ mộ ngã xiêu lưng đời

Lý Hiểu



127

Sài Gòn Em Ở Đó

Nhạc và lời: Trần Chí Phúc

Sài Gòn em ở đó có còn những hàng cây Chờ người anh đứng
ngóng, cuối đường lá nhẹ bay Cuộc tình theo cơn gió, bao nguyện ước cùng
nhau, áo em hờ thay màu! Sài Gòn em ở đó, bây giờ những chiều
mưa. Giọt buồn như nước mắt, ướt đầm bóng ngày xưa. Một thời vui đã
mất, em còn biết tìm đâu, có là mãi nghìn sau!
Em đáng yêu đôi vai gầy làn tóc ngắt hương say, mắt xanh nay u-
hoài. Cuộc sống không ngày
mai, không một bóng tương lai trên đường lầy tăm tối em lệ sầu tê
tái, Ôi ngày mãi đêm dài. Sài Gòn em ở đó, phố tàn vắng người
qua. Giọng nào lên tiếng hát, ân tình những bài ca. Sài Gòn cơn mưa bão, đưa em đi phương
nào. Sài Gòn còn hay mất hận sầu chợt dâng cao. Sài Gòn em ở đó, có thềm trách người
đi. Vội vàng hay không đến cho lời cuối biệt ly. Sài Gòn em bên ấy, tha phương anh bên
này. làm sao ta nói tới nghìn trùng rồi em ơi!

Canada 80

Mời quý vị nghe nhạc ở link này:
<http://cothommagazine.com/nhac1/TranChiPhuc/SaiGonEmODo-TCP-JM.mp3>

STEPHAN VÀ JAMES

Bút ký của
PHONG THU

Tôi biết Stephan và Mary từ khi tôi quen với James. Lúc bấy giờ, vợ chồng ông mới có đứa con trai đầu lòng là bé Kay. Thấm thoát mới đó mà đã hơn hai mươi năm. Tóc của Stephan và James đã bạc trắng. Tóc tôi cũng đã ngả sang màu muối tiêu và các con của Stephan và con tôi đã bắt đầu vào Đại học. Chuyện đời hợp rồi tan là chuyện thường tình. Cũng như trong cuộc đời mỗi người đều có bằng hữu, tâm giao. Có người quen nhau rồi trở thành bạn bè thân thiết như ruột thịt. Có người chỉ quen thoáng qua trong giao tiếp rồi sao đó chia tay mà chẳng để lại ấn tượng gì đặc biệt trong lòng của nhau.

Tôi cũng có bạn. Những người bạn của tôi cũng quen nhau trên bốn mươi năm. Nhưng có lẽ tình bạn kỳ lạ giữa Stephan và James đã làm cho tôi thực ngưỡng mộ. Theo lời James kể thì cả hai là bạn học của nhau từ khi tiểu học. Tình bạn của họ lớn lên cùng với thời gian dù cho nghịch cảnh, vui buồn, mất mát, phân ly... Họ xuất hiện bên nhau như hình với bóng để chia sẻ hạnh phúc và đau khổ. Đó là một tình bạn bền bỉ, thủy chung rất hiếm thấy.

James thì làm biên tập cho một tạp chí khoa học ở Georgia và bây giờ James vẫn biên tập sách báo cho nhà xuất bản New York và Florida. Stephan thì đeo đuổi theo ngành thương mại. Ông là chủ nhân hãng

thảm len và trang trí nội thất. Tài sản của ông rất lớn. Mary, vợ thứ hai của ông không bao giờ đi làm mà chỉ ở nhà nấu ăn, giặt giũ, đưa con đi học và đi chợ vòng vòng mua sắm đồ đạc theo sở thích. Nhà cửa thì hàng tuần có người đến dọn dẹp, lau chùi. Mary chẳng phải lo gì đến chuyện đi làm kiếm tiền như bao nhiêu người đàn bà khác.

Những năm trước, vào mùa hè gia đình tôi thường đi Georgia thăm gia đình Stephan. Stephan lái tàu đưa chúng tôi ra một cái hồ rộng lớn chơi hay ông phóng canô chở chúng tôi như bay trên mặt nước. Tôi đến thì ông đánh đàn dương cầm, còn James thì chơi guitar. Giờ đây, hai con của Stephan và các con tôi đã lớn. Hơn sáu bảy năm nay, chúng tôi không còn thời gian về Atlanta chơi. Những người bạn thân của Stephan mà vợ chồng tôi biết họ cũng đã dần dần không còn liên lạc với chúng tôi. Chỉ còn Stephan là thường xuyên gửi email, nói chuyện với James.

Hàng năm, dù đi du lịch thật xa tận Châu Âu hay Hawaii, cứ vào tháng Mười Stephan vẫn đến Washington D.C để buôn bán tàu buồm. Mỗi lần về đây, ông đến nhà thăm vợ chồng tôi. Thỉnh thoảng, Stephan hay đi du lịch bên Âu Châu và rủ rê James cùng đi. Có lẽ cái máu hải hồ của Stephan luôn chảy trong huyết quản ông từ thời còn trai trẻ. Cho nên, ông mê đại dương, thích mạo hiểm và tìm kiếm khám phá những điều mới lạ. Cách đây khoảng tám chín năm, Stephan nói với James rằng ông muốn đem vợ con đi chu du khắp thế giới bằng

tàu buồm. Và ông muốn James cùng đi với ông. Tôi có nói với James, nếu các con khôn lớn thì việc James muốn đi đâu tùy ý. Tôi sẽ cho anh được tự do, sống theo ý nguyện. Với tôi, những người thân bên cạnh tôi hạnh phúc, vui thú cuộc đời thì tôi đã mãn nguyện cho dù tôi có phải hy sinh tất cả cho gia đình. Cách đây ba năm, Stephan, James và ba người bạn khác đi du lịch bên Anh quốc. Họ mướn một tàu buồm lớn có phòng ăn, phòng ngủ đầy đủ tiện nghi và tự lái tàu ra khơi đi du lịch mười lăm ngày ở British Virgin Island. Tôi nghĩ họ muốn tìm hiểu về vùng biển Caribbean Sea trong bộ phim nổi tiếng của Mỹ vừa phát hành. Họ đã lái tàu đi từ đảo Anegada, Jost Van Dyke, Camanoe, Guana Island, Virgin Gorda, Tortola, Sali Island, Norman Island, Peter Iland... Năm người đàn ông có máu phiêu lưu đã lái tàu đi từ đảo này sang đảo khác. Những ngày lên đèn trên biển làm cho James vui hơn. Hai người bạn có dịp gặp nhau để trò chuyện. Tôi biết chắc, họ có lắm trò chơi thú vị. James không có bạn bè nhiều. Ngoài Stephan ra tôi chẳng thấy ai đến viếng thăm anh ngoại trừ một người bạn cũ làm chung sở tên là Dame. Nhưng Dame đã bệnh chết cách đây gần mười tám năm. Tôi hay khuyến khích James đi du lịch để giải tỏa sự nhàm chán trong cuộc sống. Bởi hơn ai hết, tôi hiểu rằng sống với một bà vợ chỉ biết chúm mũi vào công việc như tôi thì thật là chán...

Có một điều làm tôi ngạc nhiên là Stephan và James hai cá tính khác biệt. Hai cách sống cũng khác biệt. Nhưng tại sao họ lại thân nhau như hình với bóng? James thích ăn mặc tươm tất, đẹp, sang, diện quần áo đắt tiền. Còn Stephan giản dị, tuềnh toàng và thật đơn giản. Những ngày tiệc

tùng, đám cưới, ma chay cần phải mặc đồ vest, mang cà-vạt cho có lễ nghĩa chính là cực hình lớn nhất của Stephan. Ông chỉ thích mặc áo thun ngắn tay, màu trắng, nâu, xám, hay đen... và quần sọt ngắn hay quần Jean hoặc những cái quần rộng thùng thình màu tào nhả. Chưa bao giờ tôi thấy Stephan chịu cắt đi mái tóc dài rất ưa bụi đời của mình. Ông túm mái tóc ngô bấp lại bằng một sợi dây thun đằng sau gáy. Trên khuôn mặt trông nghiêm nghị, ít cười của ông là hàm râu mép rậm rạp được cắt tỉa theo ý muốn. Nó cũng bụi đời không kém. Stephan thấp người, nhỏ nhắn nhưng trong con người đó ẩn chứa một sức mạnh, một ý chí kiên định để khẳng định vị trí số một của mình để đạt thành công. Nếu bạn lần đầu tiên gặp Stephan, giao tiếp trò chuyện với ông thì bạn không biết rằng ông là một doanh nhân thành đạt.

Kể từ khi biết Stephan, tôi nhận ra ông có một giấc mơ phiêu bạt, giang hồ. Nhưng giờ đây ở tuổi sáu mươi, Stephan đã cảm thấy mỗi mệt với công việc, mỗi mệt với cuộc mưu sinh, mỗi mệt với những công việc buôn bán mà suốt đời ông dồn hết tâm trí vào để nuôi dưỡng gia đình.

Tôi chợt nhận ra sự im lặng ẩn hiện trong nụ cười và lời nói của Stephan lần viếng thăm này. Những câu nói dí dỏm, tiểu lâm làm cho chúng tôi bật cười đã ít hẳn đi. Trông Stephan có nét buồn hiện trên khuôn mặt.

Ngày 11 tháng 10 là ngày sinh nhật của James. Stephan nhớ, còn tôi nghĩ ngày mai mới là ngày sinh nhật của anh. Stephan đến mời chúng tôi đi ăn nhà hàng Nhật tại City Place là để mừng sinh nhật của James. Bao giờ đến Washington D.C, mỗi lần đi nhà hàng là Stephan luôn xí phần trả tiền. Ông nghĩ rằng ông đến ở nhà tôi là ông tiết kiệm được

tiền khách sạn, cho nên bồn phận của ông là phải thanh toán tiền ăn như một sự chia sẻ.

Mỗi khi tôi nhắc nhở James nhớ ngày sinh nhật, ngày cưới của các con ông để gửi quà cho chúng. Nhưng mỗi lần như vậy, Stephan lại gửi quà nhiều hơn để trả lại như một sự cảm ơn.

Đêm Maryland, trời mưa tầm tã. Khi chúng tôi ăn tối xong thì đi ăn kem ở góc đường kế bên. Tôi quan sát Stephan đang co ro đứng dưới cơn mưa bên cạnh hai con tôi. Chúng đã khôn lớn, cao ráo, xinh đẹp. Chúng không còn là hai cô bé nhỏ nhắn ngày xưa Stephan thường ôm, ấm trên tay. Tôi thấy mình già cỗi và James cũng như Stephan đang bước qua tuổi sáu mươi. Stephan vẫn ăn mặc đơn giản như người sẵn sàng phiêu lưu đây đó. Stephan thường mặc những chiếc áo thun màu xám tro, chiếc quần tây bốn túi ngà ngà. Trên vai là chiếc balô con cóc. Chiếc ba lô này là gia tài, hành trang lưu viễn của ông trong tất cả các chuyến du lịch trong và ngoài nước. Các con tôi rất thương mến ông. Chúng nhìn vào mắt ông và hỏi về chuyện đôi mắt ông phải phẫu thuật để thay võng mạc mới. Ông nói như đùa:

“Đúng rồi. Bác không còn đeo kính nữa. Bác có đôi mắt của robot đó biết không.”

Dorothy hỏi tới:

“Bác có thấy đau không và có nhìn rõ như xưa không?”

Stephan hóm hỉnh đáp:

“Đã nói bác đã thay mắt của robot thì tuyệt hảo rồi. Bác bây giờ nhìn rõ hơn ban ngày nữa cơ.”

Anna nắm tay ông hỏi dồn dập:

Nửa Đêm Hiu Quạnh

Nửa đêm gió thổi cùng mây
Lá buồn xào xạc hàng cây lạnh lùng
Đông sang rét buốt tận cùng
Sầu dâng đặc rớt về vùng bến xưa

Xót đau ngày tháng đong đưa
Cung đàn đổ gãy tình xưa rã rời
Người xa biên biệt chân trời
Đường đời hai ngã tách rời núi sông

Suối mơ thôi hết trông mong
Dòng đời nghiệt ngã ngập lòng đau thương
Tình nay tràn phủ khói vương
Hoa sầu tàn rụng cõi vườn thôi xanh

Giọt sương nức nở trên cành
Sao buồn thoi sáng trăng đành lặn xa
Chim cô ngõ ngáo không nhà
Tiếng kêu ai oán xót xa phận buồn

Nửa chùng gãy cánh tơ vương
Mặc cho con Tào trăm đường đổi thay
Người giờ nơi cuối chân mây
Còn tôi mòn mỏi miền tây nghẹn ngào

Uyên Phương Minh Nguyệt

“Nghe nói bác sẽ đi sang Đức sống phải không? Sao bác lại xa Hoa Kỳ vậy. Bộ bác chán sông ở đây hả?”

“Cháu không biết nước Đức đâu. Đẹp và thơ mộng lắm. Bác thấy sống ở thành phố đông người, ồn ào và rất tốn kém. Bác

sẽ bán hết công ty, tàu buồm và sang Đức sống an nhàn trên núi.”

Tôi xen vào góp chuyện:

“Anh sang Đức sống thật sao. Còn các cháu, còn Mary thì sao?”

“Chắc không ai thích theo tôi đâu. Đức là quê hương của ba tôi. Tôi yêu đất nước đó cũng như Hoa Kỳ. Ở Hoa Kỳ nhà trên núi rất đắt. Còn ở Đức đời sống tại thành phố rất đắt đỏ. Nhưng trên núi yên tĩnh, có thể nhìn tuyết phủ, mây bay, gió thổi, nhìn trời đất, vạn vật mà nhà lại rẻ. Mơ ước của mình đã toại nguyện thì sống ở Hoa Kỳ làm gì.”

Tôi thoáng buồn khi nghe Stephan nói. Từ lâu, tôi chỉ thấy ông đến thăm chúng tôi một mình. Thỉnh thoảng, bên cạnh ông là một cô bạn cùng tiểu bang chuyên đi buôn bán tàu buồm với ông. Lần này, ông không còn muốn ngủ ở khách sạn tại Baltimore, gần bến tàu mà về nhà tôi ngủ. Tôi thấy ông mỗi ngày một cô đơn hơn, lẻ loi hơn trong công việc làm ăn, mưu sinh để lo cho gia đình. Các con ông đã vào Đại Học. Ông không còn phải chăm lo cho chúng như ngày xưa. Căn biệt thự rộng lớn trên ngọn đồi cao chỉ còn có ông và Mary. Hai vợ chồng lại có sở thích và cá tính khác nhau như lửa và nước. Stephan mê tàu thuyền và mê giang hồ thì Mary thích ở trong nhà loanh quanh với các con rồi đi chợ mua sắm. Stephan thích bơi lội và du ngoạn trên biển, nước, sông hồ thì Mary không thích tắm. Stephan thích đi cắm trại trong rừng với các con thì Mary cho rằng chuyện tào lao của những người dờ hơi. Tôi cũng rất mến Mary, chị không xinh đẹp nhưng tốt bụng và rất ân cần khi chúng tôi đến viếng thăm gia đình Stephan ở Atlanta. Đã nhiều năm qua tôi không gặp lại chị mà chỉ thấy hình trên online. James nói với tôi rằng

Stephan đã ly hôn một lần và bây giờ không còn muốn ly hôn lần thứ hai. Tôi khám phá ra rằng đâu phải có tiền là có hạnh phúc. Vậy hạnh phúc từ đâu đến? Đâu phải chỉ có cảm giác ban đầu của tình yêu là đủ. Và cảm giác đó đâu phải nó sẽ vĩnh viễn tồn tại với thời gian. Vậy, mỗi con người đều muốn tìm kiếm hạnh phúc cho mình một cách trọn vẹn và viên mãn thì phải làm gì? Câu hỏi này không bao giờ có đáp số. Bởi vì tâm lý mỗi người đều biến đổi như bốn mùa xuân-hạ-thu-đông. Sự thay đổi đó ít ai nhận ra. Chính vì vậy, ít có ai chịu thay đổi để phù hợp với cuộc sống mới mà mình đang đối diện.

Có thể tuổi đời càng cao, tôi càng nghĩ rằng tình yêu chỉ là một thoáng mây bay, một giai đoạn, một chặng đường mà mỗi người phải trải qua. Tình yêu có lắng xuống, đọng lại trong tim mỗi người hay không còn do tâm tư, tình cảm và chiều sâu của tâm hồn mỗi người. Tại sao tình bạn giữa Stephan và James không thay đổi, nhưng hạnh phúc của Stephan và Mary thay đổi? Tại sao, một người thành đạt như ông hai lần lập gia đình là hai lần ông thất vọng? Ngay cả tôi, có phải lúc nào tôi cũng hài lòng với hạnh phúc mình đang có? Tôi còn muốn gì và những điều tôi mong ước có thực sự trở thành sự thật? Nếu cuộc sống tất cả đều dễ dàng, trôi chảy thì cuộc sống này đâu còn là thước đo giá trị của kiếp nhân sinh. Cũng đâu phải hai người hợp lại sẽ vĩnh viễn có tình yêu? Vậy tình yêu bắt nguồn bằng cái gì và kết thúc ra sao còn tùy vào thái độ sống của mỗi chúng ta chăng? Lại rất khó có lời giải đáp chính xác.

Stephan của hai mươi năm tôi biết, đó là một người đàn ông tận tụy, biết điều và luôn quan tâm đến người khác. Ông lặng lẽ

làm việc như một con gấu để nuôi dưỡng vợ con có nhà cao, cửa rộng. Họ chưa biết vất vả để đi tìm chén cơm manh áo. Gần cuối đời, công ty mà ông tận tụy xây dựng một đời nhưng nay chưa thấy ai trong các con ông muốn tiếp tục công việc điều hành. Ông cảm thấy thất vọng và cô đơn. Niềm cô đơn ấy nó hiện ra trên khuôn mặt nhăn nheo và già trước tuổi của ông. Tôi nhận ra điều đó sâu sắc hơn ai hết. Thế nhưng tôi không dám thổ lộ cùng ông.

Buổi tối, Anna chơi game online. Stephan ngồi quan sát đến khuya. Ông nói chuyện với Anna như một người bạn rồi sau đó ông đi ngủ.

Sáng hôm sau, tôi nghe tiếng chân Stephan thức dậy pha cà phê để uống. Tôi thức giấc và xuống nói chuyện với ông:

“Good morning Stephan.”

“Ồ! Chị đã thức dậy rồi sao? Tôi không ngờ hôm nay tôi thức dậy muộn như vậy. Thông thường thì tôi ngủ lúc 10 giờ tối và 5 giờ sáng đã thức. Nhưng hôm nay, tôi dậy quá muộn. Còn James thì thức khuya và dậy thì muộn.”

Tôi cười:

“James và anh như hai thái cực. Các con tôi thì mê game. Nhất là con bé Anna. Cuối tuần thì nó không bao giờ đi ngủ sớm.”

Stephan uống một ngụm cà phê rồi chậm rãi nói:

“Thế hệ của mình khác với bọn trẻ. Tôi thật sự chẳng biết gì về những trò chơi trên mạng của chúng. Trong tương lai, khoa học sẽ sử dụng computer để mổ xẻ, trị bệnh vì nó chính xác hơn con người. Họ chế tạo những robot thần kỳ thay cho con người. Bọn trẻ sẽ sống trong thế hệ mới. Còn chúng ta đã trở

thành quá khứ. Đó là sự thật mà chúng ta phải chấp nhận, không thể từ chối.”

Stephan nói y hệt James nói với tôi. Còn tôi thấy con tôi chơi game nhiều quên cả học hành thì tôi lo lắng vô cùng. Tôi hỏi Stephan về công việc làm ăn của ông. Stephan trầm tư một lúc rồi tâm sự:

“Tôi bây giờ đã già và cũng đã mệt mỏi với công việc. Có thể tôi sẽ bán công ty và sang Đức sống. Các cháu đã lớn và cũng không có ai muốn tiếp tục công việc của công ty. Những gì tôi tạo dựng lên không ai muốn đón nhận và cũng chẳng ai có một lời cảm ơn. Có chăng, tôi chỉ biết nai lưng ra làm tất cả. Chị nhìn xem, ngay cả hai chiếc tàu buồm trị giá hơn hai triệu đô la, tôi đậu ở bãi cũng tốn rất nhiều tiền. Tôi mong Mary, hay các con đi thuyền chơi với tôi trong những ngày mùa hè, hay ngày nghỉ. Thế nhưng chẳng ai quan tâm đến. Những gì tôi mong muốn, ao ước làm cho mọi người nhưng chẳng ai muốn đón nhận. Tàu để mãi không sử dụng thì bị hư hỏng phải bảo trì rất nhiều tiền. Tôi đành phải bán đi. Có lẽ sẽ bán tất cả để lên núi sống. Tôi sẽ trở về Đức quốc.”

Lần đầu tiên, tôi nghe Stephan tâm sự. Ông có vẻ trầm tư, buồn và ít hóm hỉnh, dĩ dòm như những năm về trước. Tôi nhận ra ông có nỗi buồn riêng. Ông nói chuyện với Anna về hai chiếc tàu bỏ trống lâu năm chẳng ai buồn ngó tới nên trên tàu có những chú chim hải âu bay vào làm tổ. Chúng đẻ con và “ì” trên những cánh buồm, cửa kính và boong tàu. Sau những ngày làm việc tại công ty, ông lại phải lui thủi đến bến, thay nhớt, tân trang hai chiếc tàu du lịch. Ông nhận rằng sự say mê hải hồ, phiêu bạt của ông không có ai

chia sẻ. Những người thân đang sống bên cạnh ông, nhưng chẳng ai thông cảm hiểu ông. Không ai hoan nghênh, đón nhận những gì ông ban tặng cho họ.

Tôi muốn nói với ông nhiều hơn nhưng tôi phải đi làm và tạm chia tay ông. Tôi ôm vai Stephan và nói lời tạm biệt vì chiều tôi trở về thì Stephan đã trở lại Atlanta.



Mấy ngày sau, James nhận được một cái máy pha cà phê mới trị giá gần năm trăm đô la do Stephan gửi tặng làm quà sinh nhật. James nói cho tôi biết lý do Stephan gửi món quà này cho James. James kể rằng có một lần đi dự đám cưới con gái Stephan và James được uống cà phê pha từ cái máy này. Khi trở về nhà thấy cái máy pha cà phê cổ lỗ sĩ của mình, James chán không muốn uống. Câu nói đùa của James làm cho Stephan chú ý. Và Stephan đã mua ngay cái máy đắt tiền tặng cho bạn vào ngày sinh nhật của James. Đôi lúc tôi cũng không hiểu tại sao Stephan lại thương James lạ lùng như vậy. Và tôi cũng không hiểu tại

sao Stephan có thể chấp nhận làm bạn đường hơn năm mươi năm với một người sống bơ đời, thờ ơ như James?

Điều mà tôi chắc chắn nhận ra rằng tình bạn của họ như một chuỗi ngọc vô giá lấp lánh dưới ánh mặt trời. Nó càng ngày càng được mài giũa, đánh bóng. Nó được nuôi dưỡng từ hai trái tim thông cảm, thương mến, chia sẻ và vô vụ lợi. Chính nhờ tình

bạn của họ mà tôi ngộ ra được một chân lý bất di bất dịch về tình bạn, tình yêu. Những giá trị cao quý đó chỉ được hun đúc, nuôi dưỡng bằng sự chung thủy, hy sinh, lòng trung thực và sự tôn trọng lẫn nhau. Đó là sự cộng hưởng, sự chia sẻ và công bằng. Nó có đi và có lại như một sự giao thoa cảm giác, như sợi dây đàn đã ngân lên tiếng nhạc du dương từ bàn tay của một nhạc sĩ tài hoa sau nhiều năm miệt mài luyện tập. Cuộc đời không có kiểu tình yêu ban phát một chiều. Và cũng không có một thứ tình bạn nào được xây dựng trên vụ lợi và

lòng ganh tị.

Tôi cảm ơn Stephan đã thương mến gia đình tôi và nhất là yêu quý James. Bởi chính Stephan đã bù đắp cho James những khoảng trống trong tâm tư anh mà tôi không thể làm được. Viết về Stephan như giữ lại cho chúng tôi những kỷ niệm đẹp về ông và gia đình ông. Cho dù mai này Stephan có còn ở lại Hoa Kỳ hay ông sang Đức sống, thì hình ảnh và trái tim đôn hậu, dễ yêu của ông vẫn còn để lại trong lòng tôi sự trân trọng và ngưỡng mộ.

PHONG THU

Maryland tháng 10 năm 2013

Quý vị thương mến văn phong nhà thơ, nhà văn nữ gốc Nam kỳ Lục Tỉnh
Kính mời quý vị tìm đọc những tác phẩm

ĐÃ PHÁT HÀNH

Dư Thị Diễm Buồn

Thi tập

*Nỗi Lòng Người Em Nhỏ *Một Thoáng Hương Xưa
*Những Ngày Xưa Thân Ái *Quê Hương Ngày Em Lớn
*Nỗi Lòng Người Đi *Muôn Thuở Ân Tình

TRUYỆN DÀI & TẬP TRUYỆN NGẮN

*Chân Trời Hạnh Phúc *Trong Lâu Đài Kỷ Niệm *Xa Bến Thiên Đường
*Ngoài Ngưỡng Cửa Chiêm Bao *Vén Màn Sương Áo Mộng
*Một Góc Trời Thôn Dã *Thời Biển Lặng Sông Trong
*Những Chặng Đường Tôi Đã Đi Qua *Trăng Sáng Miền Quê Ngoại
*Màu Tím Hoa Lục Bình *Hương Cau Quê Mẹ
*Bóng Ai Thấp Thoáng Trong Sương *Trên Nẻo Đường Quê
* Xứ Lạ Tình Quê * Niềm Thương Nỗi Nhớ * Nghĩa Nặng Tình sâu * Phượng Tím

Tập Thơ Phổ Nhạc

Nhạc sĩ: Thông Đạt-Văn Giảng, Võ Tá Hân, Hiếu Anh

Những tình khúc thơ phổ nhạc CD

*Con Đường Xưa Mưa Bay *Ướt Hồng Tuổi Ngọc
(Thơ: Dư Thị Diễm Buồn, Nhạc: Thông Đạt-Văn Giảng)

Những tình khúc ngâm thơ CD

*Một Thoáng Hương Xưa *Những Ngày Xưa Thân Ái
*Ướt Hồng Tuổi Ngọc *Một Góc Trời Thôn Dã

Địa chỉ liên lạc:

DƯ THỊ DIỄM BUỒN

ĐT: (530) 822 5622 - Email: dtdbuon@hotmail.com

Noãn Lòng Rau Diếp Cầu

Nguyễn Mạnh Thu

Nằm trên chiếc giường nệm mới mua ở IKEA, đưa tay vuốt tấm khăn trải giường trắng phẳng phiu, Bà Hồng nhìn quanh quát căn phòng nhỏ vừa đủ kê một chiếc giường, một tủ quần áo và một chiếc bàn thấp trên để sách báo, đồng hồ báo thức thêm một ngọn đèn ngủ. Cửa phòng ngủ một đầu ăn thông vào nhà tắm, đầu kia dẫn về phía phòng khách. Nhà tắm rất chật hẹp, thiết kế bồn tắm bằng một vò sen, điều đó không phiền hà gì với bà, đã ngoài tám mươi tuổi, bà phải đứng dội nước bằng vò sen chứ không cần ngâm mình trong bồn tắm. Khi tắm xong bước ra, xoay lưng lại bà Hồng đụng ngay bồn rửa mặt đặt kế bên thật vừa vặn khít khao. Dọc theo sát tường là một kệ thấp, bà để các thứ linh kính vật vãnh, xô nước lau nhà, sào phơi quần áo v.v. Phòng khách khá rộng so với phòng ngủ nhưng nó chứa luôn cả nhà bếp, một loại kitchenette thu gọn lại trên có bồn rửa chén, hai bếp điện, dưới để các nồi niêu xoong chảo v.v. Các thứ chén đĩa, dao, muỗng, nĩa và thức ăn khô lưu trữ bà để trong tủ kính khoét sâu vào tường. Bà mua thêm một bàn ăn với bốn ghế ngồi đặt giữa phòng khách, phòng khi có bạn bè hay con cháu tới chơi. Máy giặt quần áo không biết sắp xếp vào đâu, bà đặt ngay trong phòng khách cạnh tủ bếp. Như vậy nó "đứng ngang hàng" với chiếc ghế "clic-clac" cũng mua ở IKEA bà dùng để xem truyền hình.

Dọn về đây ở được gần một tháng, bà Hồng chưa quen lắm. Bà nhờ cô cháu gái Như Nguyễn tìm mướn cho bà, một studio rộng cỡ 25 mét vuông, đủ cho một người ở trong hoàn cảnh đơn chiếc như bà. Khu chung cư đã rất cũ kỹ, trước kia nó là một khách sạn lớn, được sửa chữa lại, chia ra thành từng phòng lớn nhỏ để cho mướn dài hạn. Đây là khu trung tâm thành phố thương mại với nhiều cửa tiệm mọc san sát. Nơi căn phòng bà mướn ở quay về phía sau của mặt tiền đường, từ cửa ra vào đi qua một hành lang hẹp dẫn đến phòng khách, chừa một cửa sổ nhưng không có ngõ thông ra ngoài, nó bí bưng như một nhà giam. Khung cửa sổ này nhìn thẳng qua nhà đối diện, bà ít có dịp được nhìn thấy nắng hay màu da trời xanh. Người chủ mướn căn nhà đối diện bà chưa gặp bao giờ, hình như là người Pakistanais, ông ta thường vắng nhà ban ngày. Ban đêm khuya khoắt ông mới về và bắt đầu lục đục nấu nướng, bà nghe tiếng chén đĩa khua lạnh canh, ánh đèn bật sáng trung rọi thẳng vào phòng ngủ của bà. Vì vậy bà thường hay mất ngủ thao thức lúc nửa đêm.

Salon de Provence, là một thành phố ở miền Nam nước Pháp nằm trong vùng Provence-Alpes-Côte d'Azur, cách Marseille 50 cây số, cách Arles 40 cây số, gần nhất là Aix en Provence cách 35 cây số. Mấy năm đầu khi mới tới định cư, mùa đông về lạnh cắt da, bà lo ngại với cơn gió mistral thổi liên tiếp trong mấy ngày như muốn lôi bà đi theo nhưng lâu dần bà cũng quen. Thành phố thu hút rất nhiều du khách ghé qua vào

dịp hè. Mỗi năm liên tiếp trong ba ngày cuối tháng sáu, các buổi diễn hành được tổ chức, dân chúng tình nguyện đóng góp thành lập lại những khung cảnh lịch sử *, cảnh sinh hoạt với các phương tiện thô sơ cổ xưa, may sắm sửa sang xiêm y cho thích hợp với thời đại Phục Hưng vào khoảng thế kỷ thứ 16, để tưởng niệm giai thoại hoàng hậu Catherine de Medicis tháp tùng con cháu hoàng gia đến Salon de Provence gặp gỡ nhà tiên tri Nostradamus. Bà thay phiên với con trai và con dâu Kim Ánh, dẫn các cháu của bà, đứa lớn nhất Như An tám tuổi, Như Nguyễn bảy tuổi, đứa nhỏ nhất Kim Long bốn tuổi, thỉnh thoảng mỗi chân lại đòi bế trên tay, đi vòng quanh thành phố theo đoàn người lũ lượt, đến lâu đài Empéri xem họ diễn kịch, rồi lần về phía Tháp Đồng Hồ (La Tour de l'Horloge), Đài phun Nước Đóng Rêu (La Fontaine Moussue), hình thù nó quái dị làm cho các cháu sợ hãi cứ níu áo bà. Đoàn người cùng dừng lại ở hai bên đường thưởng thức tài nghệ của các nhạc sĩ, ca sĩ, nhóm người nhào lộn, múa kiếm. Họ mặc áo kiểu "Ba chàng Ngự Lâm Pháo Thủ" của Alexandre Dumas. Những binh sĩ đó có lúc bắt chợt như muốn đi mũi kiếm sát vào người xem làm ai nấy hoảng sợ, nhưng đâu có hoảng sợ cho bằng nhóm người nhào lộn nhảy múa cái trang thành những con quỷ đưa nanh vuốt, da thịt mặt mày sơn đỏ lòm, liên hồi đánh trống dạo nhạc thật hấp dẫn và điệu nghệ. Mọi người giật mình né tránh nhưng cuối cùng lại thích tháp tùng theo sau.

Có biết bao nhiêu kỷ niệm buồn vui trong đời sống tạm dung nơi xứ lạ quê người của bà Hồng. Những đêm trở trăn khó ngủ, bà thường nhớ lại quãng đời đã đi

qua như một đoạn phim dài... Bà theo con trai có quốc tịch Pháp, anh Lốt (đọc tắt tên chữ Pháp là Jean Claude) tới định cư trong thành phố này tính đến nay đã trên ba mươi năm. Không muốn cực lòng cho con cháu, bà tìm việc làm nuôi sống bản thân, công việc cũng nhàn hạ. Chúa nhật ngày nghỉ bà đi nhà thờ Saint Laurent nơi có ngôi mộ của Nostradamus, một thầy thuốc và là một chiêm tinh gia lỗi lạc thời xưa. Thứ tư bà đi chợ trời ở công trường Morgan, chợ gần nhà nhưng bà cũng nhờ cháu Như An theo khiêng phụ giỏ trái cây, chợ ở miền Provence lúc nào cũng nhiều màu sắc, vải vóc, hàng đặc sản địa phương, hoa quả trái cây tươi, không thiếu một thứ gì, ngay cả bầu, bí, mướp, khổ qua, các thứ rau thơm... bà mua về ăn cho đỡ nhớ quê hương.

Bà sống yên lành thanh thản bên con cháu, không mơ ước cao xa. Từ một làng xa xôi heo lánh ở Việt Nam rồi trôi nổi điều linh xoay vần cho đến nay ở Pháp, xứ văn minh tự do, có đầy đủ mọi phương tiện mưu sinh, bà còn mong muốn gì hơn. Nhưng có lẽ bà là người trời sinh không có nhiều may mắn. Năm Như An lên mười tuổi, vợ chồng con trai bà sống không hạnh phúc. Cô Kim Ánh, con dâu bà bỏ đi lấy chồng khác, để lại ba đứa cháu nhỏ dại. Anh Lốt đi làm luân phiên một tuần ca ngày, một tuần ca đêm, không đủ thì giờ lo cho các cháu. Ngoài việc làm ở sở, về nhà bà phải vừa làm bà nội vừa làm mẹ, giặt giũ, cơm nước, nấu nướng, dạy dỗ các cháu. Nhất là Như Nguyễn, cô cháu gái tinh nghịch, bà còn nhớ mãi khi đến tuổi mới lớn với thân hình tròn trịa tươi mát, nó đứng kề ban công nhìn ra đường áo thì hở cổ, quần thì quên cài dây kéo, miệng thì

cười toe toét. Bà nhắc nhở, nó trả lời:

- Không có sao đâu bà ơi, cháu đùa chút thôi mà!

Như An hiền lành, ốm yếu gầy còm, thâm trầm ít nói, thường hay giúp đỡ mọi người. Như Nguyễn tánh tình thẳng thắn, hoạt bát, thích pha trò cho bà cười vui. Kim Long nhỏ tuổi nhưng rất chững chạc, thân hình cao lêu nghêu, nó mơ ước khi trưởng thành được vào binh chủng không quân ngay trong tỉnh nhà. Thành phố Salon de Provence là nơi có căn cứ không quân nổi tiếng đã từng đào tạo các sĩ quan phi công Việt Nam, các kỹ sư, cán bộ cơ sở... Bà thương yêu hết các cháu của bà. Từ ngày con dâu bà bỏ đi, những nỗi buồn trong gia đình mọi người chung lưng gánh chịu. Đến nay mọi việc đã tạm yên ổn. Bà vui với bốn mùa xuân, hạ, thu, đông.

Căn nhà con trai bà mượn là một khu chung cư rất rộng rãi đủ cho năm người ở, nếu kể thêm con dâu là sáu người. Ban công rộng chạy dài từ phòng khách sang nhà bếp. Mùa xuân sang hè, rảnh rỗi bà trồng các thứ rau để khỏi đi mua đôi khi đường xa không tiện. Khí hậu nóng ẩm của miền Nam nước Pháp đã cho bà niềm vui chăm sóc vun tưới cây cảnh. Bà trồng cây chanh cao nghều nghệu và nâng niu từng trái mọc trên cành. Nhất là rau diếp cá. Tại sao có nhiều người không dùng được rau diếp cá? Bà thấy nó tươi ngon mà họ bảo rằng có mùi tanh hôi không chịu được. Bà trồng nhiều trong các chậu để ở ban công. Thịnh thoảng đem cho bà Ninh, bạn của bà cư ngụ ở Marseille. Còn dư lại không biết làm gì, bà cho lẫn vào xà lách trộn giấm, làm rau tươi để ăn phở... Các cháu bà ban đầu nhăn mặt nhưng lâu dần dần "nghiện" cái mùi "thơm thơm tanh tanh" của rau diếp cá.

Bà Hồng rất thương rau diếp cá vì nó là hình ảnh của quê hương. Bà thương những chiếc lá nhỏ nhoi như một loài cỏ dại, mang hình trái tim với những cánh hoa trắng nhụy vàng đơn sơ. Tuy xa quê hương không phải là nơi nó sinh sống, nhưng nó biết khắc phục thiên nhiên. Mặc cho tuyết rơi phủ phàng, gió dập mưa vùi trong suốt mùa đông giá rét. Cứ vào mỗi mùa Xuân nắng ấm, nó vươn lên, chuyển mình trở dậy từ trong đất ẩm những chiếc lá xanh mềm mại và sống mãi cho đến hết hè sang thu.

Đài Phun Nước Đóng Rêu ở ngay trung tâm thành phố, trên công trường Crousillat, đối diện với Tháp Đồng Hồ và cách không xa lâu đài Empéri. Nó hiện hữu từ thế kỷ thứ 16, là một biểu tượng thực sự riêng rẽ của Salon de Provence, các chất vôi tích tụ lâu ngày tạo thành một hình dáng vô cùng đặc biệt như một cây nấm khổng lồ, với lớp rêu và các loại thực vật nhỏ li ti sinh sôi nảy nở bám chung quanh. Người dân Salon thường đến đây vào những chiều mát, các quán ăn, quán giải khát, kem sữa... mọc rải rác. Vào mùa hè rất đông du khách, sinh hoạt nơi đây trở nên huyên náo tấp nập.

Nhưng bây giờ là mùa đông, thành phố thưa vắng người vì mấy hôm nay trời vừa đổ tuyết. Bà Hồng cũng thường xuyên đến đây, nghe gió thổi lạnh, bà kéo mảnh khăn choàng cổ lên cao, nhìn đài phun nước, trong đám rêu xanh một vài chỗ tuyết chưa tan đọng lại thành giọt dài rồi đứng yên, trong vắt như pha lê, nhọn hoắt như một lưỡi dao xuyên thấu tim bà. Một người đàn bà vụt đi ngang qua, tay dắt đứa trẻ ngây thơ tung tăng theo chân mẹ. Mấy mươi năm trước đây khi bà còn trẻ, bà cũng đã từng bông ảm dắt dúi, thương yêu anh Lót như vậy. Tình

yêu thiêng liêng ấy có bao giờ phai lạt đâu!

Một lần về Việt Nam thăm quê hương, không biết trời xui hay đất khiến, khi trở lại Pháp, anh Lốt giới thiệu với bà cô Thâm và ngõ ý muốn cưới vợ lần thứ hai. Anh nói cô tên Xuân Thắm nhưng vì nhân viên làm giấy tờ khai sinh in sai nên cô phải mang tên Thâm. Cô nhỏ hơn anh Lốt 10 tuổi. Khi đất nước đổi dời, năm bảy lăm, cô Thâm chỉ vừa 12 tuổi, thường theo chúng bạn quàng khăn đỏ ca hát trên đường phố. gương mặt cô xương xương, hai gò má nhô ra phơi nước da trắng xanh, cảm hơi bệnh. Khi nhìn ngang cô có nét nam tính. Nếu trước kia con dâu Kim Ánh của bà tiêu xài hoang phí bao nhiêu, thì bây giờ con dâu Xuân Thâm của bà keo kiệt bủn xỉn, tính toán chi li bấy nhiêu. Cùng sống chung trong một nhà, vì không muốn phiền hà con cháu, bà đem cả số tiền hưu còm cõi của bà ra chia sẻ, cùng trả chi phí với con trai và con dâu: tiền nhà, tiền ăn, tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại v.v. nhưng đối với cô Thâm, một giọt nước không được để rơi, một hạt gạo không được đánh đổ, bà phải dè chừng mỗi khi tắm, mỗi lúc ăn cơm. Cô Thâm lại là người có tính đa nghi nên điện thoại của bà thường bị nghe lén. Các bóng đèn điện phải đốt giảm thiểu, ngay cả máy truyền hình bà thỉnh thoảng mới được xem. Và thỉnh thoảng cô Thâm gièm pha, cần phải dọn nhà đi nơi khác như có ý xua đuổi, cô dọn dẹp nhiều nơi, thay đổi nhiều chỗ. Các cháu của bà còn trẻ tuổi, không ưa đi ghê, đã tự động tìm nhà, tìm việc làm rồi tự động phân tán, mỗi đứa một nơi, ít khi nào chúng nó về thăm. Còn lại bà Hồng, anh Lốt và con dâu trong nhà với hai phòng ngủ trống không. Bà Ninh có đôi lần đến chơi đã nhắc nhở:

- Con ơi, vợ thì con có thể tìm được hai

lần hay nhiều lần. Nhưng Mẹ thì con chỉ có một lần thôi.

Anh Lốt lặng yên không nói. Anh thường nghe bà Hồng than thở nhưng vốn bản tính nhu nhược, anh không biết phải bênh ai bỏ ai. Viện cớ cây chanh có quá nhiều gai, rau diếp cá có mùi tanh hôi, đất có nhiều sâu bọ, một buổi bà Hồng đi vắng, cô Thâm đã đem vớt hết cả vào thùng rác cùng lúc với các chén đĩa bà mua sắm bấy lâu, cô nói với bà cô muốn "có cái gì của riêng mình". Bà đau lòng biết mấy khi thấy cây chanh là niềm vui tuổi già của bà, chậu rau diếp cá là lòng thương mến, tưởng nhớ quê hương của bà bị vớt bỏ đi, cây cỏ vô tình nào có tội gì đâu!

Bà lặng lẽ trở về phòng riêng nhìn bốn bức tường cảm mà khóc rung rức. Hồi lâu, bà Hồng bỗng đứng thức tỉnh, kịp nhận ra, trong căn nhà này từ mấy chục năm nay buồn vui bao kỷ niệm, hiện thời không còn chỗ cho bà nữa.

Buổi diễn hành năm nay thành lập lại cảnh lịch sử, bà Hồng không tham dự vì tuổi già sức yếu. Bà chỉ nghe tiếng trống, tiếng kèn, tiếng nhạc vang rền từ những chiếc loa gắn dọc theo hai bên đường vọng lại từ xa. Thành phố này bà đã sinh sống từ ngày rời xa quê hương mà tới đây. Bà xem nó thân thiết như quê hương thứ hai của bà. Bà đã quen từng bụi cây đám cỏ bên đường, biết từng góc phố, từng căn nhà. Những người mới tới, những người dọn đi, những đứa trẻ ngày nào còn bé thơ, nay đã tay bế tay bồng.

Đã ngoài tám mươi tuổi, mái tóc trắng như cước, một con mắt đã bị hư, bà lần mò chậm chạp từng bước một với giỏ trái cây mua từ chợ. Các cháu của bà phải làm việc ở


xa không thể ở cạnh bà, không thể nào giúp bà nhiều hơn được. Đoạn đường này đi bên phải, đoạn đường kia đi bên trái, giữa tiệm bánh mì và tiệm quần áo có bậc thang cao, bà phải cẩn thận ghi nhớ để khỏi bị vấp ngã. Từ nay bà phải sống một mình và phải tự lo cho bản thân mình. Bà không tiếc gì nữa ở cõi đời này nhưng bản năng sinh tồn là một nguyên lý rất mạnh mẽ. Bà còn một quê hương để nhớ thương, phải biết phấn đấu để vượt qua mọi nghịch cảnh, như những lá rau diếp cá trong các chậu ngày xưa để ở ban công vào mùa đông đầy bão tuyết.

Người ta bắt đầu giăng mắc đèn hoa trên đường phố, trên Đài Phun Nước Đóng Rêu để chuẩn bị cho Noël sắp tới. Hơn mười năm nay bà chưa từng được hưởng một mùa Giáng sinh đầy ý nghĩa. Thật hạnh phúc làm sao cho những gia đình thuận hòa

vui vầy sum họp, nhất là trong những ngày cuối năm. Các cháu của bà bôn ba lo tìm kế sinh nhai, đôi khi ngày lễ lạc tung bưng như đêm Noël cũng phải làm việc. Bà Hồng hy vọng mùa Giáng Sinh năm nay, thế nào Như An, Như Nguyễn, Kim Long cũng sẽ về thăm, tụ họp đông đủ, dù ở trong căn phòng 25 mét vuông chật hẹp, nhưng nó giống như một thiên đàng nhỏ bé chứa đầy tình thương lẫn nụ cười. Lúc nào cũng vậy, bà cứ nghĩ, còn sống thêm một ngày là còn nuôi hy vọng bởi vì tự do là cái giá bà phải trả rất đắt để đánh đổi được hạnh phúc.

Nguyễn Mây Thu
(Paris, 09-11-2013)

- Xin xem thêm Video trên youtube.
Tim: Reconstitution Historique Salon de Provence 2012.



BÁC SĨ
NGUYỄN QUỐC QUÂN

CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA
4217 Evergreen Lane
Annandale, Va 22003
(703) 354-2629

KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN

Lincoln's Gettysburg Address

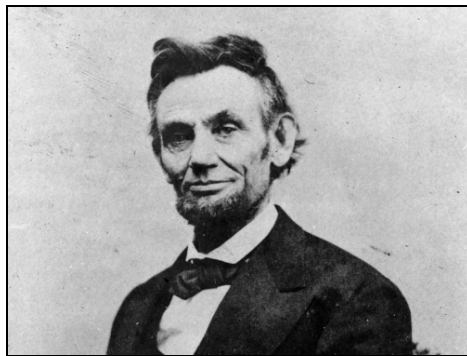
Four score and seven years ago our fathers brought forth on this continent, a new nation, conceived in Liberty, and dedicated to the proposition that all men are created equal.

Now we are engaged in a great civil war, testing whether that nation, or any nation so conceived and so dedicated, can long endure. We are met on a great battle-field of that war. We have come to dedicate a portion of that field, as a final resting place for those who here gave their lives that that nation might live. It is altogether fitting and proper that we should do this.

But, in a larger sense, we can not dedicate -- we can not consecrate -- we can not hallow -- this ground. The brave men, living and dead, who struggled here, have consecrated it, far above our poor power to add or detract. The world will little note, nor long remember what we say here, but it can never forget what they did here.

It is for us the living, rather, to be dedicated here to the unfinished work which they who fought here have thus far so nobly advanced.

It is rather for us to be here dedicated to the great task remaining before us -- that from these honored dead we take increased devotion to that cause for which they gave the last full measure of devotion -- that we here highly resolve that these dead shall not have died in vain -- that this nation, under God, shall have a new birth of freedom -- and that government of the people, by the people, for the people, shall not perish from the earth.



BÀI DIỄN VĂN LỊCH SỬ CỦA ABRAHAM LINCOLN

Bài này giới thiệu, và phân tích một áng văn hùng hồn trong lịch sử Hoa Kỳ, Gettysburg Address. Ngày 19 tháng 11 năm nay cũng là ngày kỷ niệm 150 năm của bài diễn văn này.

Vào ngày 19 tháng 11 năm 1863, Tổng thống Abraham Lincoln, vị tổng thống thứ 16 của Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ, được mời tới bãi chiến trường Gettysburg thuộc tiểu bang Pennsylvania, là nơi trước đó 4 tháng rưỡi, trong ba ngày 1 – 3 tháng 7, năm 1863, đã xảy ra một trận chiến thur hùng giữa hai phe miền Bắc (Union) và miền Nam (Confederacy), trong đó quân miền Bắc thắng nhưng cả hai bên vừa chết vừa bị thương đến 50 ngàn binh sĩ.

Tổng thống Lincoln được mời để ban vài lời, mà theo như thư mời của ban tổ chức buổi lễ là để cho “a few appropriate remarks” trong lễ dành một phần đất của bãi chiến trường khốc liệt trong cuộc nội chiến Hoa Kỳ làm Nghĩa trang quân đội. Diễn giả đầu và chính của buổi lễ là Edward Everett, giáo sư và viện trưởng Đại học Harvard, một nhà hùng biện và ngoại giao, đọc bài ai điều chính oration trong 2 tiếng đồng hồ. Khi ông Everett đọc xong thì đến lượt Tổng Thống Lincoln. Bài diễn văn 272 chữ vòn vẹn 10 dòng của Tổng Thống Lincoln quá ngắn khiến người thợ chụp hình thời đó chỉ kịp xếp ống ảnh, chưa kịp chụp thì tổng thống đã nói xong. Ông quay lại nói với người ngồi cạnh “That speech won’t **scour**” (Bài diễn văn này hỏng). Nhưng Tổng thống Lincoln không ngờ,

chính diễn giả Everett hôm sau gửi thư viết cho ông rằng:

“I should be glad, if I could flatter myself that I came as near to the central idea of the occasion, in two hours, as you did in two minutes.” “Tôi sẽ hài lòng nếu như tôi có thể tự hãnh diện rằng mình đến gần ý chính của buổi lễ, trong hai tiếng đồng hồ, như ngài đã đạt được trong hai phút.”

Gettysburg address nay trở thành một trong những áng hùng văn nổi tiếng trong lịch sử Hoa kỳ.

Tại sao bài diễn văn quan trọng?

--Đối với người Mỹ lúc đó, cuộc Nội chiến đã kéo dài hai năm trong 4 năm với mối đe dọa có thể **tách Hoa Kỳ làm hai xứ thù nghịch** mà nguyên do chính là vấn đề người nô lệ da đen được coi như tài sản trong những tiểu bang trồng bông và thuốc lá ở miền Nam. Trong bài diễn văn, Tổng

Thống Lincoln khai triển ý tưởng mọi người sinh ra đều bình đẳng “all men are created equal”, bao gồm trong ý tưởng đó cả những người nô lệ da đen. Ông nói rộng thêm ý tưởng công bằng (equality) trong Emancipation Proclamation (Tuyên Ngôn Giải Phóng người nô lệ da đen ở miền Nam và cho họ gia nhập quân đội có lương miền Bắc) ban ra tháng giêng năm 1863. Ý niệm bình đẳng **không** nằm trong Hiến Pháp Hoa Kỳ Constitution of the United States lúc đó, tuy rằng có đề cập đến trong câu thứ hai của bản Tuyên Ngôn Độc Lập Declaration of Independence (“We hold these truths to be self-evident, that all men

are created equal...”) nhưng **bản Tuyên ngôn không phải là một đạo luật.**

--TT Lincoln ví chính thể dân chủ ở Hoa Kỳ năm 1776 như sự ra đời của một hài nhi. Điều này có ý nghĩa đối với cả các chính thể trên thế giới. Chính thể dân chủ ở Mỹ lúc đó còn non nớt: mới được 87 năm, và coi như một thí nghiệm. Trận nội chiến là một thử thách chính thể đó có thể tồn tại hay không. Cũng định nghĩa ngắn gọn thế nào là một chính phủ dân chủ: government of the people, by the people, for the people.

1. Four score and seven years ago, our fathers brought forth from this continent, a new nation, conceived in Liberty, and dedicated to the proposition that all men are created equal.

Cách đây 87 năm, ông cha ta đã khai sinh trên lục địa này một tân quốc gia, thai nghén trong Tự do và cung hiến cho niềm xác tín rằng mọi người sinh ra đều bình đẳng.

Score=hai mươi năm. Chữ score dùng trong Kinh Thánh (Psalm 90). Cách đây 87 năm: Năm ký bản Tuyên ngôn Độc Lập 1776 + 87 = 1863, năm TT Lincoln đọc diễn văn.

To bring forth=to give birth to, sinh ra: đây là một chữ gọi hình: so sánh một tân quốc gia như một sự ra đời của một hài nhi.

To dedicate: công hiến, dâng hiến, khánh thành. Chữ này được dùng 6 lần trong bài.

To conceive: thụ thai, thai nghén, hình thành một ý niệm. Tân quốc gia Hoa Kỳ ví như được thai nghén trong Tự Do.

To create=tạo thành. **Creator**=đấng tạo hoá, Thượng Đế.

Equal=bình đẳng.

Proposition=một đề nghị, một điều xác tín, một định đề, một niềm tin, coi như một cuộc thí

nghiệm những lý tưởng từ lúc lập quốc để xem quốc gia này có tồn tại hay không.

2. Now we are engaged in a great civil war, testing whether that nation, or any nation so conceived and so dedicated, can long endure. We are met on a great battle-field of that war. We have come to dedicate a portion of that field, as a final resting place for those who here gave their lives that that nation might live. It is altogether fitting and proper that we should do this.

Engage=tham gia vào, lâm vào..

Civil war=trận Nội chiến Hoa Kỳ (1861-1865)

Testing=thử thách

Endure=tồn tại, chịu đựng,

Final resting place=nơi an nghỉ cuối cùng

Altogether=hoàn toàn, completely

Fitting=thích hợp

Proper=thích đáng. Hai chữ fitting and proper hay dùng chung với nhau vừa để bổ nghĩa cho nhau vừa tạo sự nhịp nhàng, bắt nguồn từ hai chữ “dulce et decorum” của Horace.

Who here gave their lives that that nation might live: Chữ that thứ nhất: **so that**, chữ that thứ nhì: demonstrative adjective. Dùng chữ that thứ nhì với nghĩa “đó” hay “ấy” khiến chữ “nation” khách quan hơn, the use of **that** makes the word **nation** more objective, bringing the speaker away from the word nation to allow him a deliberately objective distance.

But, in a larger sense=trong một nghĩa rộng hơn. Dùng nhóm chữ này để báo trước một chuyển ý quan trọng.

To consecrate=hiến dâng, tôn phong.

To hallow=thánh hóa, làm cho linh thiêng.

Giờ đây chúng ta đã lâm vào một cuộc nội chiến rộng lớn, để thử thách xem quốc

gia ấy, hay bất cứ quốc gia nào được hình thành và hiến dâng như vậy, có thể tồn tại lâu dài hay không.

Chúng ta đã gặp nhau trên một bãi chiến trường lớn của cuộc chiến ấy. Chúng ta tới để cung hiến một phần đất của bãi chiến trường ấy làm nơi an nghỉ cuối cùng cho những người đã hy sinh mạng sống mình tại đây để quốc gia đó được trường tồn. Chúng ta làm vậy thực hoàn toàn thích hợp và chính đáng.

3. But, in a larger sense, we can not dedicate—we can not consecrate—we can not hallow—this ground. The brave men, living and dead, who struggled here, have consecrated it, far above our poor power to add or detract.

Nhưng, trong một nghĩa rộng hơn, chúng ta không thể cung hiến—chúng ta không thể tôn phong—chúng ta không thể thánh hóa—mảnh đất này. Những người can trường, còn sống hay đã chết, đã từng tranh đấu nơi đây, chính họ đã làm mảnh đất này linh thiêng, vượt xa quyền lực nhỏ nhoi của chúng ta có thể thêm vào hay bớt đi được.

Nhận xét:

-Sự lặp lại ba lần nhóm chữ cannot dedicate, cannot consecrate, cannot hallow làm tăng thêm ý nghĩa phủ định. Khoa tu từ (rhetorics) gọi cách đó là **anaphora**.

-Điệp âm đầu **alliteration** “poor power”, repetition of the consonant p: Mục đích là để nói nhún quyền lực của người còn sống và nâng cao vinh dự của người đã hy sinh.

4. The world will little note, nor long remember what we say here, but it can never forget what they did here.

Thế giới sẽ chẳng ghi nhận, và cũng chẳng nhớ lâu những điều chúng ta nói nơi

đây, nhưng sẽ không bao giờ quên những điều họ đã từng làm nơi đây.

Nhận xét: **little note** (chẳng ghi nhận) tương phản với **long remember** (nhớ lâu). Tương phản hai vế: **what we say here** với **what they did here** để cực tả ý nghĩa lời nói của người sống so sánh với hành động can trường của những người chết và hành động của họ mới quan trọng. Khoa tu từ gọi cách tương phản hai ý trái ngược và gần nhau là **contrast** hay **juxtaposition**.

5. It is for us the living, rather, to be dedicated here to the unfinished work which they who fought here have thus far so nobly advanced.

Đúng hơn, chính chúng ta, những kẻ còn sống, mới phải hiến dâng mình ở nơi đây cho công trình còn dang dở mà những người từng chiến đấu nơi đây từ trước đến nay đã tiến tới một cách thật hào hùng.

Nhận xét: đoạn này kêu gọi sự quyết tâm của toàn dân, mà tiêu biểu là 20,000 người đang đứng nghe cùng thân thuộc của tử sĩ và thương binh trong số cử tọa. Hai chữ dùng trái ngược two opposites: kẻ còn sống the living... người đã chết the dead.

The great task remaining before us... nhiệm vụ lớn lao còn dở dang ở trước mắt chúng ta.

6. It is rather for us to be here dedicated to the great task remaining before us—that from these honored dead we take increased devotion to that cause for which they gave the last full measure of devotion – that we here highly resolve that these dead shall not have died in vain—that this nation, under God, shall have a new birth of freedom—and that government of the people, by the people, for the people, shall not perish from the earth.

Đúng ra chính chúng ta phải có mặt nơi đây để hiến dâng cho trọng trách còn lại đang chờ ở trước mắt—rằng trước những người chết vinh hiển này, chúng ta nguyện tận tâm hơn cho chính nghĩa mà họ đã hết lòng phục vụ đến tận hơi thở cuối cùng--rằng chúng ta long trọng quyết tâm rằng những người đã khuất sẽ không bao giờ chết uổng--rằng quốc gia này, dưới quyền năng của Thượng Đế--sẽ nảy sinh ra một nền tự do mới—và rằng chính phủ của dân, do dân, vì dân, sẽ không bao giờ bị tiêu diệt khỏi trái đất này.

Nhận xét:

1. Hai hình ảnh tương phản: kẻ sống the living... và những binh sĩ bị chết ở đây một cách vinh hiển, the honored dead.

Increased devotion: tận tâm hơn

The last full measure of devotion: tận tâm phục vụ đến tận hơi thở cuối cùng

These dead shall not have died in vain: Những kẻ đã khuất sẽ chẳng bao giờ chết uổng.

The living... These dead: adjectives used as plural nouns.

Have a new **birth** of freedom... shall not **perish** from the earth: tương phản giữa sự nảy sinh mới của **nền tự do** và động từ **perish** (tiêu diệt)... làm nổi bật câu nói. Đây là một **antithesis**.

Ý niệm birth, conceived, death, perish, hallow được sử dụng bởi Gary Wills, tóm tắt trong một bài báo đăng trên Atlantic Monthly (June 1992) và in trong cuốn Lincoln at Gettysburg: The Words That Remade America. New York: Simon and Schuster, 1992, là những ý niệm đã có trong Kinh Thánh. Lincoln đã dùng những ý niệm quen thuộc mà người dân biết rõ và chấp thuận để làm nền móng đưa người

nghe đến điểm chính là trước những tử sĩ đã hy sinh, người dân phải dốc toàn lực cho một tân quốc gia không bị chia rẽ, và cho một chính phủ phục vụ dân.

2. Ba lần lặp lại khóm từ of the people, by the people, for the people: Câu văn song song, cân bằng và nhịp nhàng (paralellism), tăng phần nghiêm trang và sâu xa của ý nghĩa câu nói.

3. **Nguồn gốc câu của Lincoln:** Lincoln có thể đã chịu ảnh hưởng của ít nhất hai người trước khi ông viết Gettysburg Address:

3a- Willliam Herndon, luật sư đồng sự với Lincoln khi ông là một luật sư ở Illinois kể lại trong một cuốn sách năm 1888, là ông có đem cho Lincoln xem một số bài giảng của nhà mục sư chống nô lệ tên là Theodore Parker và Lincoln tỏ ra rất xúc động khi đọc dòng chữ của ông Parker về ý tưởng “chính phủ dân chủ là chính phủ vì dân”. Lincoln’s law partner, who wrote Abraham Lincoln: The True Story of A Great Life (1888) that he had brought to Lincoln some of the sermons of the abolitionist minister Theodore Parker of Massachusetts, and that Lincoln was moved by Parker’s use of this idea:

“**Democracy is direct self-government, over all the people, for all the people, by all the people.**” (Dân chủ là sự tự trị trực tiếp, bao quát toàn dân, phục vụ toàn dân, do toàn thể nhân dân bầu ra.”)

3b.- Năm 1830, 33 năm trước khi TT Lincoln đọc bài diễn văn, thì tại Thượng Viện Hoa Kỳ, nghị sĩ và nhà hùng biện Daniel Webster, cũng diễn tả ý tưởng chính phủ liên bang phải là một chính phủ của nhân dân, lập ra để phục vụ dân và chịu trách nhiệm trước dân. (In 1830 before the

United States Senate, Daniel Webster described the federal government as **“the people’s government, made for the people, made by the people, and answerable to the people.”** [Daniel Webster (1782-1852), Second speech on Foote’s Resolution, Jan. 26, 1830.]

Chính phủ của dân, lập ra để phục vụ dân, do dân tạo ra, và phải chịu trách nhiệm đối với dân. (Daniel Webster, Diễn văn thứ nhì ở Thượng viện về nghị quyết Foote, ngày 26 tháng 1 năm 1830.)

Sau này, nhà cách mạng Trung Hoa Tôn Dật Tiên (Sun Yat Sen, 1866-1925) cũng viết là đã lấy cảm hứng từ bài diễn văn của Lincoln khi lập ra học thuyết “tam dân chủ nghĩa”.

Chú thích:

-Toàn bài diễn văn do tài tử Gregory Peck đọc vào ngày 4 tháng 7 năm

1986. Vào Google gõ hàng chữ “Lincoln’s Gettysburg address read by Gregory Peck”.

-Hay có thể nghe tài tử Sam Waterston đọc bài diễn văn trên đài National Public Radio bằng cách gõ hàng chữ “Gettysburg address NPR”.

-Hay có thể vào Google gõ hàng chữ “Lincoln’s Gettysburg Address As it Really Sounded” để nghe giọng Mỹ ở Kentucky là quê hương của TT Lincoln do Tom Bradley đọc.

Nguồn:

<http://www.answers.com/topic/gettysburg-address>

Xem thêm những bản dịch khác ở:

<http://www.diendan.org/dich-thuat/dien-van-gettysburg>

(Viết xong lại Virginia 1995; sửa lại tháng 10, 2013.--PTL)

Phạm Trọng Lệ

BÁC SĨ NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Board-Certified Internal Medicine

Nguyên Bác Sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới (Bệnh Viện Chợ Quán cũ)

Tốt nghiệp hậu Đại Học Nội Khoa tại New York

Bác sĩ điều trị tại Bệnh Viện Alexandria, Virginia

CHUYÊN KHOA NỘI THƯỜNG VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT

5130 Duke Street, Suite 8, Alexandria, VA 22304

Tel: 703-823-2849 - Fax: 703-823-2847



GIỜ LÀM VIỆC

Thứ hai – Thứ sáu: 9:00AM – 6:00PM

Thứ bảy: 10:00AM – 2:00PM, Chủ nhật: Theo hẹn



Đêm

đêm vẫn chưa qua trời vẫn ngụi
mùa đông chan chứa lạnh nguồn cơn
dặm ba xa vắng còn đâu đó
nhưng vẫn vô hình như trống trơn
đêm thuở tràn gian đêm vẫn đêm
hoàng hôn gom xác nắng qua thềm
đêm về ủ ngụi bên ghèn thác
như sợ ngày mai phai úa thêm
đêm thả cơn mê xưa gói đầu
nằm nghiêng như ván lệch từ lâu
hôm nay vẫn tưởng ngày xa cũ
thao thức đêm người trong bể dâu
cứ mỗi hoàng hôn phai bóng ngày
lời cảm của nắng đọng vòm cây

âm thanh nghèo cõi trâm luân nhớ
bỗng thất thanh chìm trong khói mây
em có nghe thời gian lắng trong
tiếng chim đêm vỗ nhịp đàn lòng
em đi phương hướng đời lưu dấu
để mọi người khơi vơi đợi mong
kỷ niệm vô hình như bóng điện
quen về khơi mộng chuyện cô miên
cho đêm băng giá quên mình lạnh
và để cho mùa nhớ lạc phiên
đêm sẽ qua dần như thể gian
những buồn vui cũ-mới xa- gần
bâng khuâng thao thức rồi ngơ ngác
những thấy đêm người sao bất an

Xuân Bích (Oklahoma)



Hiver, Winter, Mùa Đông: Tranh của Họa sĩ **Liên Phương**- Thụy Sĩ

CHIỀU CHỦ NHẬT (Sunday Afternoon)

ALICE MUNRO

<http://static.guim.co.uk/sys-images/Music/Pix/pictures/2013/10/9/1381318748601/Alice-Munro-wins-Man-Book-010.jpg>



Kim-Vũ dịch

Vài nét về tác giả – Alice Munro, chuyên viết truyện ngắn người Canada, theo Hàn Lâm Viện Thụy Điển là “**bậc thầy về truyện ngắn đương đại**”, và được trao giải Nobel về văn chương năm 2013. “*Sunday Afternoon*” được trích từ tập truyện ngắn đầu tay của bà, có tên là “*Dance of the Happy Shades and Other Stories*”, xuất bản lần đầu năm 1968.

Bà Gannett vào nhà bếp bằng những bước chân thanh thoát theo một điệu nhạc trong đầu, lấp lánh những tà váy bông nhả bóng của chiếc áo mỏng mùa hè có in hoa. Alva đang đứng rửa ly. Lúc đó là hai giờ rưỡi; mọi người đã bắt đầu đến uống rượu từ mười hai giờ rưỡi trưa. Họ vẫn là những người như mọi khi; Alva đã thấy hầu hết những người này một vài lần trước đó, trong khoảng ba tuần lễ làm việc cho gia đình ông bà Gannett. Có anh trai của bà Gannett và vợ của ông, rồi ông bà Vance và ông bà Frederick; cha mẹ của bà Gannett cũng ghé lại một chút, sau khi dự lễ tại nhà thờ St. Martin, đem theo một thanh niên trẻ, là cháu trai hoặc cũng có thể là cháu họ xa, cậu này vẫn còn ở lại sau khi ông bà cụ đã ra về. Phía gia đình bà Gannett là phía giòng nội; bà có ba chị em gái, tất cả đều dễ coi, thẳng thắn, và lồ cô không sâu sắc, có dáng nét thể thao hơn bà, và bố mẹ họ thì thuộc loại ăn to nói lớn và đẹp lão, tóc đã bạc trắng. Bố bà Gannett là chủ nhân một hòn đảo trong *Georgian Bay*, nơi ông cụ đã xây dựng những ngôi nhà nghỉ mát mùa hè cho mỗi người con gái của mình, hòn đảo

mà Alva sẽ được đến xem trong một tuần lễ nữa. Mẹ của ông Gannett thì ngược lại, chỉ sống trong một nửa ngôi nhà bằng gạch màu đỏ trên một con lộ không cây, cũng có những ngôi nhà gạch đỏ tương tự, hầu như ngay dưới trung tâm thành phố. Cứ mỗi tuần một lần, bà Gannett đến đón bà cụ đi chơi một vòng trên xe hơi rồi trở về nhà ăn cơm chiều, và mọi người chỉ uống nước nho cho tới khi bà cụ được đưa lại về nhà mình. Một lần khi ông bà Gannett phải đi ra ngoài ngay sau bữa ăn tối, bà cụ đã vào nhà bếp và giúp Alva cắt đi những cái đĩa; bà cụ khá khó tính và cao kỳ, cũng giống như cách thức mà chính gia đình Alva đối xử với một cô người làm, và Alva chấp nhận chuyện này dễ hơn là thái độ thân thiện do tập tành nhuần nhuyễn của mấy người chị em bà Gannett.

Bà Gannett mở tủ lạnh và đứng đó, nắm giữ cánh cửa tủ. Cuối cùng bà nói, giọng giống như một tiếng khúc khích, "Alva, bây giờ ăn trưa được rồi đó —"

"Được," Alva nói. Bà Gannett nhìn cô. Alva không bao giờ nói bất cứ điều gì sai, thật sự là sai, mà thô lỗ cả, và bà Gannett cũng không thể thiếu thực tế đến mức mong đợi một cô gái đang học trung học, lại là gái quê, có thể trả lời, "Vâng, thưa bà," như những u già trong bếp của mẹ bà trước kia; nhưng thường là trong giọng nói mà Alva cố làm ra vẻ dễ dàng, có một chút gì đó bất cần đời và xuôi tai quá đáng lại càng làm cho bà Gannett khó chịu vì không thể tìm ra cách nào để phản đối giọng nói đó cả. Dù sao thì nó cũng làm cho bà phải ngưng khúc khích; gương mặt trát phấn và sạm

nắng của bà bắt đầu trở nên trầm xuống và có vẻ không vui.

Bà nói, "Đưa xà lách khoai tây đây." "Thịt đông và lưỡi bò nữa. Nhớ đừng quên hâm nóng bánh mì cuộn. Đã bóc vỏ cà chua chưa? Tốt—Ồ, xem đây Alva, những củ cải giòn cay này trông không hấp dẫn lắm nhỉ, cháu nghĩ sao? Cháu cần thái mỏng ra—Jean thường xén ra dạng những bông hồng, cháu biết không, theo lối xén quanh những cánh hoa — trông rất dễ thương. "

Alva bắt đầu cắt củ cải một cách vụng về. Bà Gannett đi bộ xung quanh nhà bếp, cau lông mày lại, trượt những ngón tay dọc theo những quây màu xanh dương pha san hô. Tóc bà đã cuộn lên thành một cục tròn, cho thấy một cái cùn cổ thật gầy, màu nâu và hơi bị sần lên do râm nắng; màu da râm xạm của bà làm cho bà trông gân guốc và khô khốc. Dù sao Alva, người chẳng râm nắng một chút nào vì khi ngoài trời nóng thì cô lại ở trong nhà, và ở tuổi mười bảy thì cặp giò và vòng eo lại to hơn là mong ước, lại thêm muốn có được cái dáng vẻ thanh lịch màu nâu và sang cả này của bà; Bà Gannett có cái vẻ được làm hoàn toàn bằng chất tổng hợp cao cấp.

"Hãy cắt bánh *angel food* này bằng một sợi dây, cháu biết đấy, rồi tôi sẽ nói cho cháu biết cần bao nhiêu *sherbet* và bao nhiêu *maple mousse*. Còn phần ông Gannett thì cho va ni nguyên chất mà thôi, để ở trong tủ đá đó mà—Hai thứ đó còn nhiều lắm, tha hồ cho cháu ăn tráng miệng—Ồ, Derek, đồ quý sứ! " Bà Gannett chạy vội ra hàng hiên, lớn tiếng kêu, "Derek, Derek!" bằng một giọng re re về bực mình một cách

vui sướng. Alva, người biết rằng Derek là ông Vance, một người mua bán chứng khoán, kịp nhớ ra là đừng có nhìn ra ngoài phía trên cánh cửa kiểu Hòa Lan để xem có chuyện gì đang xảy ra. Thật là chuyện khó khăn cho cô, vào những ngày Chủ Nhật, khi mọi người uống rượu và trở nên thoải mái, phấn khích thì cô lại phải nhớ là mình không được phép tỏ ra một chút thoải mái và phấn khích như vậy. Dĩ nhiên là cô đã không uống rượu, ngoại trừ phần còn sót lại trong đáy những cái ly khi được đem vào trong bếp— và cũng chỉ khi nào đó là rượu *gin*, lạnh, và có vị ngọt thối.

Nhưng cái cảm giác không thực, chuyển từ thờ ơ đến bạt mạng, trở nên rất mạnh trong nhà vào giữa buổi chiều. Alva sẽ gặp những người đi ra từ phòng vệ sinh, có vẻ ưu tư và sầu muộn, có thể thoáng thấy mây bà trong những phòng ngủ mờ tối xoay qua xoay lại nhìn mình trong gương, bôi môi son rất chậm, và cũng có người nằm ngủ gật trên chiếc ghế xô pha kiểu *chesterfield* dài trong góc phòng riêng. Đến lúc này thì những màn cửa đã được kéo lại dọc các bức tường kính của phòng khách và phòng ăn, để ngăn che sức nóng của mặt trời; những căn phòng này thật dài, được che màn và trải thảm, với màu sắc lạnh mát, làm như trôi nổi trong ánh sáng dưới nước. Alva nhận ra là khó có thể nhớ rằng các phòng ở nhà cô, nhỏ bé tí mà chứa được nhiều đồ đạc đến thế; ở đây thì chỉ là những bề mặt trống rỗng liên lu thật là nhạt nhẽo, mênh mông—nguyên một hành lang dài rộng mà trống không, chỉ trừ ra hai cái bình *Danish* cao nghệu dựng ngay nơi bức tường

xa nhất, từ tấm thảm trải sàn, những bức tường, cho đến trần nhà đều dùng những âm sắc khác nhau của một thứ màu xám pha xanh lơ; khi Alva đi bộ dọc hành lang này, rất êm nhẹ, cô chỉ mong sao cho có một tấm gương soi, hay một cái gì đó để có thể đâm xâm vào; cô còn không biết là mình còn hiện diện hay không nữa.

Trước khi cô mang đồ ăn trưa ra hiên ngoài, cô chải mái tóc của mình qua tấm gương soi nhỏ nơi quầy bếp, uốn cao những lọn tóc quanh gương mặt. Cô buộc lại tấm tạp dề, kéo thật chặt dải rút rộng bản. Cô chỉ có làm được như vậy thôi; bộ đồng phục trước đó là của Jean, và lần đầu tiên khi mặc thử, Alva đã nói nó rộng quá thì phải; nhưng bà Gannett thì không cho là như vậy. Bộ đồng phục có màu xanh dương, màu chính của nhà bếp, với ống tay áo, cổ áo và tạp dề mang đường viền trang trí lối vò sò hình dẻ quạt. Cô cũng phải đi vớ cao, và mang giày trắng có gót kiểu *Cuba* mà khi đi trên những phiến đá nơi hàng hiên thì cứ kêu cồm cộp — phát ra một thứ âm thanh nặng nề cố ý và dân giả, khác hẳn với những đôi dép xăng đan và guốc. Nhưng cũng chẳng có ai ngoài lại nhìn khi cô mang những đĩa lớn đĩa nhỏ đồ ăn ra cái bàn dài làm bằng sắt rèn. Chỉ có bà Gannett đến bàn và sắp xếp lại mọi thứ. Cái lối mà Alva đặt đồ ăn trên bàn luôn luôn làm như thiếu một cái gì đó, dù rằng ở điểm này cũng thế, cô cũng chẳng làm điều gì thật sự sai quấy cả.

Trong khi họ ăn, cô ăn trưa riêng một mình, ngồi nơi bàn nhà bếp, ngó xem một tờ báo *Time* cũ. Dĩ nhiên là không có

chuông lắc nơi hàng hiên; nhưng bà Gannett kêu to, "Rồi, này Alva!" hoặc chỉ đơn giản, "Alva!" bằng những âm thanh cũng kín đáo và xoáy sâu y như những tiếng phát ra từ một cái chuông vậy. Thật cũng hơi kỳ mà kêu như thế trong khi đang nói chuyện với ai đó, rồi sau đó lại bắt đầu cười vang lần nữa; có vẻ như bà ta có một giọng nói máy móc, có thể so sánh với ngay cả một nút nhấn nữa, để gọi Alva.

Cuối bữa ăn mỗi người tự mang đĩa tráng miệng và tách cà phê trở vào bếp. Bà Vance nói xà lách khoai tây thật dễ thương; Ông Vance, say xin, cũng nói dễ thương, dễ thương. Ông đứng ngay phía sau Alva tại bồn rửa chén, gần đến nỗi cô nghe thấy hơi thở của ông và cảm nhận vị trí của hai bàn tay của ông nữa, dù ông đã không hẳn là chạm vào người cô. Ông Vance người rất to lớn, tóc quăn, da hồng hào; tóc ông màu xám, và Alva thấy ông thật đáng sợ, bởi vì ông là loại người đàn ông mà cô thường vẫn có thói quen kính trọng. Bà Vance thì nói liên tục, và khi nói chuyện với Alva, có vẻ không tự tin, nhưng lại đầm ấm thân mật hơn bất kỳ bà nào khác. Có một cái gì không vững vàng trong tình trạng hai vợ chồng, Alva không chắc chắn là cái gì; có thể chỉ vì họ không giàu có như những người khác. Dù sao họ luôn luôn rất hoạt bát và nhiệt tình, và ông Vance thì luôn luôn say xin quá độ.

"Này Alva, đi lên *Georgian Bay* chứ?" ông Vance nói, và bà Vance tiếp lời, "Ồ, cháu sẽ thích nó lắm, ông bà Gannett có nhà thật dễ thương," và ông Vance nói, "Ừ cho rám thêm chút nắng hi?" và rồi họ đi khỏi.

SỐ 65

Bây giờ thì Alva đã lại có thể di chuyển bình thường rồi, cô xoay quanh để lấy vài cái đĩa dơ và nhận ra là cậu em họ hoặc gì đó của bà Gannett vẫn đứng đó. Cậu ta ôm nhóm và làn da trông có vẻ như da thuộc, giống như bà Gannett, tuy có màu sậm hơn. Cậu ta nói, "Cô không còn chút cà phê nào nữa phải không?" Alva đổ hết cho cậu ta cà phê còn lại, khoảng nửa tách. Cậu ta đứng uống, trong khi ngó cô xếp chồng các đĩa lên nhau. Rồi cậu nói, "Vui ghê hi?" và khi cô nhìn lên, cậu cười lớn, và đi ra ngoài.

Alva được tự do sau khi cô rửa xong chồng đĩa; còn lâu mới tới bữa ăn tối. Nhưng cô không thể tự bỏ đi đâu được; Bà Gannett có thể gọi cô bất cứ lúc nào vì một chuyện không đâu. Và cô cũng không thể đi ra ngoài hàng hiên, vì mọi người vẫn còn đang ở đó. Cô đi lên lầu; rồi chợt nhớ ra rằng bà Gannett đã nói cô có thể đọc bất kỳ cuốn sách nào trong góc thư viện, cô lại xuống lầu để kiểm một cuốn. Nơi hành lang cô gặp ông Gannett, ông nhìn cô vẻ nghiêm trọng và chăm chú, nhưng lại hình như bước qua luôn mà không thốt ra lời nào; rồi ông nói, "Này cháu, Alva — này cháu, cháu có ăn đủ đầy chứ?"

Đó không phải là một lời nói đùa, vì ông Gannett chưa khi nào nói đùa. Thực ra, đó là điều ông đã hỏi cô hai ba lần trước rồi. Có vẻ như ông cảm thấy một trách nhiệm phải lo lắng cho cô, khi nhìn thấy cô trong nhà của mình; điều quan trọng dường như là, cô ấy cần phải được cho ăn uống đầy đủ. Alva đoán chắc với ông, mặt hồng lên vì bức bối; bộ tôi là con bò cái tơ hay sao? Cô nói, "cháu tính vào góc đọc sách để

151

kiếm một cuốn. Bà Gannett đã bảo như thế được, không sao — "

"Được, được, bất cứ sách nào cháu thích," ông Gannett nói, và ông đột ngột mở cửa chỗ đọc sách cho cô và dẫn cô đến những kệ sách nơi ông đứng, cặp lông mày cau lại. "Cháu thích cuốn sách nào?" ông nói. Ông với tới kệ bày những cuốn tiểu thuyết kỳ bí và lịch sử có vỏ bọc ngoài sặc sỡ, nhưng Alva nói, "Cháu chưa bao giờ đọc *King Lear* cả."

"*King Lear* à," ông Gannett nói. "Ồ." Ông không biết tìm nó ở đâu, vì thế tự Alva tìm và lấy nó xuống. "Cháu cũng chưa từng đọc *Đỏ và Đen*," cô nói. Điều đó không làm ông nề phục gì, nhưng đó là sách mà cô có thể đọc thực sự; cô không thể trở lại phòng mình với độc một cuốn *King Lear*. Cô đi ra khỏi phòng cảm thấy vô cùng hải lòng; cô đã cho ông thấy cô không phải loại chỉ biết ăn. Một người đàn ông sẽ dễ nề trọng vì cuốn *King Lear* hơn một người đàn bà. Nhưng đối với bà Gannett thì chẳng có gì khác biệt cả; một đứa người làm là một đứa người làm.

Nhưng khi về lại phòng thì cô lại không muốn đọc. Phòng của cô ở phía trên nhà để xe, và rất nóng. Ngồi trên giường thì sẽ làm nhàu bộ đồng phục, và cô không còn cái nào khác được là ủi thẳng thớm cả. Cô có thể bỏ áo ra và chỉ mặc mỗi si líp thôi, nhưng bà Gannett có thể gọi bất cứ lúc nào và muốn cô ngay tức thời. Cô đứng ở cửa sổ, nhìn lên phía đầu con đường rồi lại nhìn xuống. Con đường hình vành lưỡi liềm, một vòng cung rộng nhẹ, và không có vỉa hè; Alva đã tự cảm thấy chơ vơ trong chỉ một

hay hai lần đi bộ dọc con đường; không bao giờ thấy ai đi như thế cả. Những ngôi nhà được xây dựng cách xa nhau, lùi sâu phía sau con đường, đằng sau những bãi cỏ rực nắng, những hòn non bộ và cây trồng làm cảnh; trong khoảnh đất này phía trước những ngôi nhà, chẳng có ai lai vãng bao giờ ngoài những người Trung Hoa làm vườn; những vật trang trí trên thảm cỏ, những ghế xích đu và bàn ngồi ngoài trời đều ở phía vườn sau mà xung quanh được bao bọc bởi những hàng đậu cây thấp, những bức tường đá và những hàng rào giả dạng thô sơ. Chiều nay dọc suốt con đường phố là những chiếc xe hơi đậu nối tiếp nhau; từ phía sau những căn nhà đội lên những âm thanh trò chuyện và thật nhiều tiếng cười vang. Mặc dù trời nóng bức, từ trên này không thấy ban ngày nhạt nhòa gì cả; mọi thứ—những căn nhà bằng đá và xi măng trát vôi màu trắng, những bông hoa, những chiếc xe mang màu của hoa—trông đều sắc nét và chói lòa, chính xác và hoàn hảo. Không có một thứ gì là ngẫu nhiên trong tầm nhìn. Con đường phố, giống như một mẫu hình quảng cáo, gần như mang dáng vẻ số sàng của tinh thần mùa hè tươi sáng; Alva cảm thấy ngẩn ngơ vì điều đó, bởi tiếng cười vang của những người mà cuộc sống xứng hợp với con đường. Cô ngồi xuống một chiếc ghế cứng đằng trước một cái bàn cho con nít kiểu xưa —tất cả các đồ đạc trong phòng này đã được chuyển qua từ những phòng khác mới được tân trang; căn phòng đó là nơi duy nhất trong nhà mà người ta có thể tìm thấy những thứ không hòa hợp, không liên hệ gì với nhau,

và những thứ bằng gỗ không lớn rộng, trông thấp tè và nhợt nhạt. Cô bắt đầu viết thư cho gia đình.

—và những ngôi nhà, tất cả những ngôi nhà khác nữa, đều thật khổng lồ, phần lớn rất hiện đại. Không có đến một cọng cỏ dại trên những thảm cỏ, họ thuê người làm vườn bỏ cả nguyên một ngày mỗi tuần chỉ để dọn sạch cái mà trông như đã quá hoàn hảo rồi. Con thấy các ông ở đây khá om xòm, cái kiểu họ làm ồn lên về những thảm cỏ hoàn hảo hay những thứ đại loại như thế. Họ quả có đi chơi ngoài và đôi khi làm những chuyện ngẫu nhưng mọi thứ đều rất đa đoan phức tạp và cũng phải như thế thôi. Cái gì họ làm và nơi nào họ đến cũng đều như vậy cả.

Đừng có lo là con cô đơn và bị đối xử tệ bạc, đại loại những chuyện thường tình về con sen con ở. Con sẽ không để cho ai yên thân với chuyện như thế đâu. Hơn nữa thực ra con đâu phải là thứ con sen con ở, chỉ trong mùa hè này thôi mà. Con không cảm thấy cô đơn, tại sao lại phải như vậy nhỉ? Con chỉ quan sát và nhìn ngó một cách thú vị thôi. Mẹ à, tất nhiên là con không thể ăn cùng bàn với họ được rồi. Đừng có mà kỳ cục. Không phải giống như là người làm công đâu. Hơn nữa, con thích ngồi ăn một mình. Nếu mẹ viết thư cho bà Gannett, bà ấy sẽ chẳng biết mẹ nói cái gì đâu, và lại con cũng không đặt thành vấn đề, thế nên *đừng viết gì nhé Mẹ!*

Con cũng nghĩ rằng khi Marion đến đây thăm thì tốt nhất là con sẽ xin nghỉ một buổi chiều và gặp em dưới phố. Con không muốn để nó tới nhà này. Con không biết chắc khi

họ hàng người làm đến thăm thì như thế nào. Dĩ nhiên là nếu nó muốn thì cũng được thôi. Con không thể đoán được là bà Gannett sẽ phản ứng ra sao, thế thôi, và con gắng sức thoải mái khi có bà ta gần cạnh để cho bà ta khó có thể muốn làm gì với con cũng được. Dù sao thì bà ta cũng O.K.

Chỉ một tuần lễ nữa là mọi người sẽ đi lên *Georgian Bay* và dĩ nhiên là con đang mong chờ chuyện đó. Con sẽ có thể đi bơi mỗi ngày, bà ta (bà Gannett) đã nói như vậy và —

Phòng của cô thực sự là quá nóng bức. Cô đặt lá thư còn dang dở dưới miếng giấy thấm trên bàn làm việc. Trong phòng của Margaret vang lên tiếng đài phát thanh. Cô đi xuống hành lang để đến cửa phòng của Margaret, hy vọng là cửa mở. Margaret chưa đến tuổi 14; sự cách biệt về tuổi tác bù lại cho những sự cách biệt khác, và dù sao ngồi chơi với Margaret cũng không phải là chuyện quá tệ hại.

Cánh cửa đang mở, và trải ra trên giường của Margaret là những *váy khung bông* và những trang phục mùa hè. Alva không hề biết là con bé có nhiều bộ đồ đến thế. "Không phải là em đang sửa soạn xếp đồ cho chuyến đi *Georgian Bay* đâu," Margaret nói. "Như thế thật là khủng khiếp, em biết vậy. Em chỉ muốn xem xem mình có những gì thôi. Hy vọng quần áo của em O.K.," em nói. "Hy vọng nó không quá—"

Alva sờ vào mấy quần áo trên giường, cảm thấy thật thú vị khi nhìn những màu sắc nhẹ nhàng tinh tế, những phần trên bó sát mịn màng, được xếp pli và có dáng hình thật kiêu xa, những khung làm bông váy với lưới bung ra sắc cạnh và màu mè; trong

những bộ quần áo này có một vẻ gì ngây thơ nhân tạo. Alva không thêm muốn ganh ghét gì; không, chuyện này không đáng gì đến cô cả; đó là một phần thể giới của Margaret, cái nền nếp cứng nhắc của những trường tư thục (những áo chèn ngắn và những vớ dài màu đen), trò chơi khúc côn cầu, trò hát hợp xướng, chèo thuyền trong mùa hè, các party, những cậu con trai mặc áo *blazer*—

"Em sẽ mặc những thứ này lúc đi đâu?" Alva hỏi.

"Đi Ojibway. Cái khách sạn đó mà. Cuối tuần nào cũng có nhảy đầm, mọi người chèo thuyền đến đó. Đêm thứ sáu là cho trẻ em và đêm thứ bảy là dành cho cha mẹ và những người khác—Có nghĩa là em *sẽ đi*, "Margaret nói, giọng trầm xuống, "nếu em không phải là một thứ hạng đồ bỏ đối với bạn bè. Cả hai đứa con gái nhà Davis là như vậy đó."

"Đừng có lo," Alva nói với giọng hơi kẻ cả. "Mọi việc rồi sẽ êm thôi."

"Thật sự em không thích nhảy đầm," Margaret nói. "Không giống như là cách em thích chèo thuyền chẳng hạn. Nhưng mình phải làm chuyện đó."

"Em rồi sẽ thích thôi," Alva nói. Vậy ra là như thế, sẽ có nhảy đầm, họ sẽ đi bằng thuyền, cô sẽ thấy họ đi và nghe họ về. Chuyện như vậy, mà lẽ ra cô phải biết chứ—

Margaret đang ngồi bắt chéo chân trên sàn nhà, ngược nhìn cô với khuôn mặt ngây thơ và hơi thẳng thừng, "Chị có nghĩ là em cần bắt đầu trò hôn hít sờ soạng mùa hè này không?"

"Có chứ," Alva nói. "*Như chị thì sẽ làm đấy*," cô nói thêm bằng một giọng gần

như trả thù. Margaret có vẻ thắc mắc ra mặt; cô nói, "Em nghe nói đó là lý do tại sao Scotty đã không mời em vào dịp Lễ Phục sinh —"

Không có đến một tiếng động, nhưng Margaret đã vội nhẹ nhàng đứng lên. "Mẹ đang đến kia," em dùng môi nói sẽ, và gần như tức thời, bà Gannett vào phòng, cố làm ra vẻ mỉm cười và nói, "Ồ, Alva. Thì ra là đang ở đây."

Margaret nói, "Con đang nói về Đào cho chị ấy mà Mẹ."

"Ồ. Còn bao nhiêu là ly tách đang bừa bộn ra trong bếp đấy Alva ạ, có lẽ cháu cần mau lo giải quyết đi cho xong trước khi tới giờ sửa soạn ăn chiều—và này Alva, cháu có tạp dề nào mới sạch không?"

"Cái màu vàng quá chật đó Mẹ, con đã thử mặc rồi—"

"Này cưng, không ích lợi gì đem tất cả những thứ lãng nhãng này mà bày ra đây vội, còn cả tuần lễ trước khi mình đi cơ mà—"

Alva đi xuống cầu thang, qua dọc hành lang màu xanh, nghe mọi người nói chuyện có vẻ nghiêm trọng, hơi say xin một chút, trong góc đọc sách, và thấy cánh cửa phòng khâu vá khép lại nhẹ nhàng từ bên trong khi cô gần bước tới nơi. Cô đi vào nhà bếp. Bây giờ thì cô đang nghĩ đến hòn đảo. Nguyên một hòn đảo mà họ làm chủ; không có gì trong tầm nhìn mà không thuộc về họ. Những phiến đá, mặt trời, những cây thông, và cả tới dòng nước sâu và lạnh trong Vịnh nữa. Cô sẽ làm gì ở đó, những người con sen con ở sẽ làm gì ở đó? Cô có thể đi bơi, vào những giờ trái khoáy, đi bộ một mình, và đôi khi—có lẽ lúc họ đi chợ mua đồ ăn

chẳng hạn—cô sẽ chèo thuyền đi quanh. Bà Gannett đã nói ở đó sẽ không có nhiều việc phải làm như ở đây. Bà nói những người làm luôn luôn thích thú lắm. Alva nghĩ đến những người làm như cô khi trước, những cô gái tài giỏi hơn, biết chiều chuộng chủ hơn; họ có thực sự vui thú không? Họ đã tìm thấy loại tự do hoặc thực chất thú vị nào mà cô đã kiếm không ra?

Cô đổ đầy nước vào bồn, lại lấy ra cái nút chặn rác và bắt đầu rửa ly. Chẳng có gì quan trọng cả, nhưng cô cảm thấy nặng nề, nặng nề vì trời nóng bức và mệt mỏi và không còn thiết tha đến cái gì nữa, nghe thấy quanh mình một thứ tiếng động sẽ sàng mà cô không thể tưởng tượng nổi—về cuộc sống của những người khác, về tàu thuyền, về xe hơi, về nhảy đầm — và nhìn ra con đường phố này, cái đảo được hứa hẹn kia, qua một thứ ánh sáng mặt trời liên tục và chói chang khắc nghiệt. Ở đây cô không thể gây ra một âm thanh nào cả, cho dù một thoáng động như một vết mề đi nữa.

Cô phải nhớ, trước khi tới giờ ăn tối, bắt buộc lên lầu và mặc vào một tấm tạp dề mới sạch.

Cô nghe thấy tiếng cửa mở; có người nào đó đi vào từ hàng hiên. Thì ra là người em họ của bà Gannett.

"Đây lại là một ly nữa cho cô," anh ta nói. "Đề ở đâu đây?"

"Đâu cũng được," Alva nói.

"Nói cảm ơn đi," em họ bà Gannett nói, và Alva quay lại lau tay trên tạp dề, ngạc nhiên, rồi sau đó một thoáng thì không còn ngạc nhiên nữa. Cô chờ đợi, lưng tựa vào quầy bếp, và người em họ bà Gannett ôm

SỐ 65

nhẹ lấy cô, như trong một trò chơi quen thuộc, và rất chậm rãi, hôn lên miệng cô một hồi lâu.

"Bà ấy mời tôi đến đảo vào một cuối tuần nào đó trong tháng Tám này đó," cậu ta nói.

Có ai đó gọi cậu ta từ hàng hiên, và cậu bước ra, di chuyển với dáng vẻ lấm lét nhẹ nhàng và có tính cách hơi chế diễu của một thứ người láu cá để duỗi người khác. Alva đứng trên người, lưng vẫn dựa vào quầy bếp.

Cái đụng chạm của chàng trai lạ này đã làm cho cô cảm thấy được buông lỏng hơn; cơ thể cô như biết ơn và trông đợi, và cô cảm thấy một sự khinh khoái và tự tin mà trước đó cô đã không cảm nhận được trong cái nhà này. Vậy ra là đã có những điều mà cô chưa xét tới, về chính mình, về họ, và về cách cộng sinh với họ mà không đi quá xa sự thật. Bây giờ thì cô không còn trở ngại gì nữa khi nghĩ về hòn đảo, những hòn đá lơ lửng trong ánh mặt trời và những cây thông nhỏ màu đen. Bây giờ thì cô thấy mọi thứ dưới một nhãn quan mới; thậm chí cô còn có thể muốn đi tới đó nữa kia. Nhưng luôn luôn là có nhiều chuyện xảy ra đồng thời; vẫn còn một cái gì đó mà cô chưa muốn đào bới vội—một nơi chốn thăm sâu nhạy cảm, một cái gì đó giống như sự bề bồng mới mẻ và vẫn còn mang nhiều bí ẩn đối với cô.

KIM VŨ

Dịch

155

Hãy Đến Bên Nhau

Thơ:
Cung T Lan

Nhạc:
Huy Lâm
© 2011

Slow

Mưa hãy đến bên trời _____ Như chưa một lần đến _____ Giăng giọt sầu trong
mây _____ Rơi rơi trên đất đại _____ Nắng hãy đến bên
cây _____ Như chưa từng gặp gỡ _____ Nhớn nhớ trên cành
lá _____ Reo vui cùng ngàn hoa _____ Gió hãy đến với sông _____
_____ Lâm quen cùng sương lạnh _____ Tung tăng trên làn sóng _____
_____ Rồi tan vào mênh mông _____ Em hãy đến bên ta _____
_____ Quên đi bao tháng ngày _____ Đắng cay bù chua ngọt _____

On repeat skip from here to %

% Resume repeat here

Dầu cuộc đời hư không Mưa nắng gió và
em Hãy cùng ta nắm mặt Hãy cùng ta chia
cay Trong men đời ngắt ngây Mưa hãy đến bên
ngây Hãy cùng ta chia tay Trong men
đời chất ngắt

Mời quý vị nghe nhạc ở link này: <http://cothommagazine.com/nhac/HayDenBenNhau-HL-CTL.mp3>



Hình của NGUYỄN HUY LINH

Ngày Tri Ân Thầy

Ngày 19 tháng 10, 2013 là một ngày đáng ghi nhớ của chúng tôi.

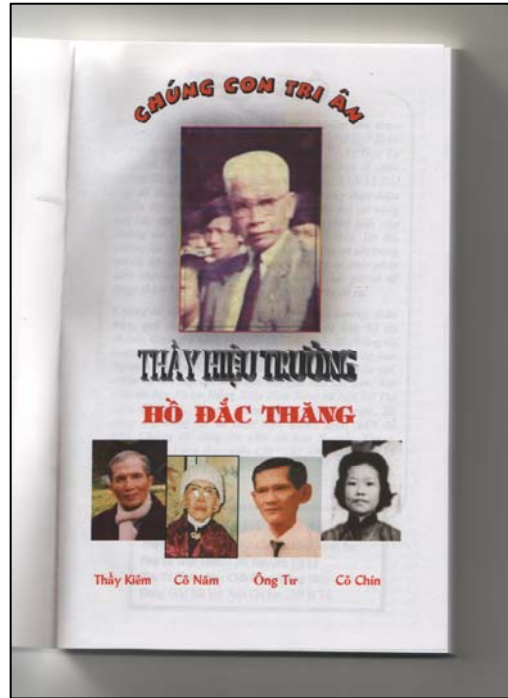
Do sự sắp xếp, bàn bạc và tổ chức của các anh chị cựu học sinh trường Sĩ Tải như Trương Minh Ân, Nguyễn Thị Lý, Phạm Hồng Hiệp..., chúng tôi, những cựu học sinh trường trung học tư thục đệ nhất cấp Sĩ Tải của Bà Rịa năm nào đã có cơ hội gặp gỡ và hàn huyên nhân Ngày Tri Ân Thầy Hiệu Trưởng, Cụ Cử Hồ Đắc Thăng, 19 tháng 10 năm 2013. Nhân dịp này Ban Tổ chức cũng đã phát hành cuốn Đặc San Sĩ

Tải - Kỷ Niệm Khó Quên do công sức của ba anh chị nói trên cùng các cựu học sinh Võ Thị Tâm, Thanh Hiền, Ngọc Châu v.v...

Trời Garden Grove, miền nam California, hôm ấy đầy nắng ấm. Nhiệt độ ấm áp. Từ nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt là từ tiểu bang Cali, ngoài chúng tôi, còn có các cựu sĩ quan, cán bộ, công chức, cựu học sinh các trường lân cận, thân hữu, đồng hương của tỉnh Phước Tuy, thị xã Bà Rịa thời Việt Nam Cộng Hòa, tất cả khoảng 160 người đã tề tựu về nơi phòng khánh tiết của một nhà hàng nằm trên đường Brookhurst, Garden Grove để làm Lễ Tưởng Niệm và Tri Ân Thầy.

Trường Sĩ Tải bắt đầu nhận học sinh giảng dạy từ năm 1952, là ngôi trường trung học tư thục đệ nhất cấp đầu tiên của tỉnh Phước Tuy (Bà Rịa).

Mở đầu chương trình hai anh chị Trương Minh Ân và Nguyễn Phan Ngọc An, hai MC cho chương trình đã tuyên bố



lý do, giới thiệu quan khách tham dự và làm lễ chào quốc kỳ, hát quốc ca của cựu Việt Nam Cộng Hòa và Hoa Kỳ, cùng với Một Phút Tưởng Niệm. Sau đó đến lượt thầy Đại Đức Thích Minh Hạnh, bác sĩ Hồ Đắc Đăng, con trai của Thầy Hồ Đắc Thăng và vài anh chị cựu học sinh Sĩ Tải đại diện lên dâng hương lên bàn thờ Thầy Hiệu. Lần lượt tiếp theo là những bài phát biểu của các cựu tỉnh trưởng tỉnh Phước Tuy, cựu trung tá Huỳnh Bửu Sơn, cựu phó tỉnh trưởng hành chánh tỉnh Phước Tuy Nguyễn Đình Phúc, các cựu giáo sư như Nguyễn Tích Kháng, Trần Kim Sa; cựu học sinh

của trường Sĩ Tải như Mai Văn Trang, Cao Văn Trung, Trương Minh Ân, Phạm Hồng Hiệp, Nguyễn Thị Lý, Diệp Phước Ngà, Lý Văn Văn... Mỗi người nói lên những tâm cảm, thiện cảm và những gắn bó trong thời gian làm việc, dạy học, đi học ở Bà Rịa nói chung và với trường Sĩ tải, ông hiệu trưởng Hồ Đắc Thăng nói riêng. Các thầy nói về việc dạy học. Các trò nói về những kỷ niệm bị đánh đòn, khuyên bảo dạy dỗ của các thầy cô như Thầy Hiệu, thầy Kiêm, ông Tư, ông Năm (giám hiệu), thầy Quế, thầy Đức, thầy Nhân, thầy Cường, cô Năm, cô Chín... Xen kẽ trong chương trình là phần đóng góp văn nghệ thật sống động của các anh chị cựu học sinh Sĩ Tải Trương Minh Ân -Thanh Hiền, Đặng Thị Bạch Tuyết trong những tiết mục ca và của chị Nguyễn Phan Ngọc An trong tiết mục ngâm thơ.



nhiều người vẫn gọi Thầy là Cụ Cừ. Có một thời gian ngắn Thầy làm việc ở viện Viễn Đông Bác Cổ. Sau khi lập gia đình, vì gia đình cô Hiệu - phu nhân của Thầy - quê quán ở Bà Rịa nên Thầy theo cô về đây lập nghiệp, mở trường tư thục Sĩ Tải. Thầy

rành ba ngoại ngữ Anh, Pháp và Hoa. Thầy mất cuối năm 1973, hưởng thọ 70 tuổi.

Năm 1961 Thầy Hiệu có cơ duyên gặp Đại Đức Narada, người Tích Lan, khi thầy qua Việt Nam hoằng hóa Phật Pháp. Từ đó, Thầy Hiệu, ngoài nhiệm vụ hiệu trưởng và giảng dạy cho trường Sĩ Tải Thầy còn theo đại đức Narada để làm thông dịch viên chính thức trong những bài giảng của đại đức khắp các tỉnh miền đông và nam phần.

Theo cựu học sinh Sĩ Tải, cũng là cựu phó tỉnh trưởng hành chánh tỉnh Phước Tuy, Nguyễn Đình Phúc, thì Thầy Hiệu đã có công trong việc xây dựng Thích Ca Phật Đài ở Vũng Tàu. Người viết xin trích dịch

Trong khi các tiết mục tiếp tục theo chương trình, thì trên màn ảnh trên sân khấu cũng có chiếu CD „Tri Ân Thầy Cô Sĩ Tải“ do cựu học sinh Nguyễn Thanh Sơn thực hiện. CD này cũng đang được tải trên mạng Youtube (đánh chữ bariasitai).

Theo trang sách do vài tác giả viết trong Đặc San Sĩ Tải thì Thầy Hiệu Hồ Đắc Thăng sinh ngày 19 tháng 10 năm 1903 ở tỉnh Mỹ Tho (bây giờ gọi là Tiền Giang). Thầy đi du học ở Pháp, trường đại học Sorbone, đậu cử nhân ngành Khảo Cổ, nên

phần đầu trong bài viết Thích Ca Phật Đài của tác giả Nguyễn Đình Phúc:

„Lời Người Viết:

Bài viết xin được coi như nén hương trầm thắp lên tri ân bậc tôn sư của tôi, Cụ Cử Hồ Đắc Thăng, người đã hưng công đại công trình Thích Ca Phật Đài. Rất tiếc vì sự hiểu biết hạn hẹp, thời gian cũng đã qua lâu, không lưu giữ được tài liệu nào, nên không giới thiệu được trọn vẹn những nét đặc biệt của Phật Đài. Kính mong các bậc có cơ duyên hiểu biết hơn vui lòng chỉ giáo. Đa tạ“.

Về tên trường Sĩ Tải, người viết xin phép trích đôi dòng trong Đặc San Sĩ Tải cũng từ tác giả Nguyễn Đình Phúc:

„Nhân đây cũng xin nhắc đến danh xưng Sĩ Tải. Các cựu học sinh chắc còn nhớ trên khuôn dấu tròn nhà trường ngay chính giữa có hai chữ nhỏ „SĨ TẢI“ và một bông sen cuống dài vắt ngang chữ Sĩ. Theo Thầy giải thích, học giả Pétrus Ký chọn tên tự Sĩ Tải để nhận mình là một kẻ sĩ lãnh sứ mạng mang (Tải) nền văn hóa cũ, mới đến cho thế hệ trẻ. Chữ Tải này hiểu là chuyên chở như „vận tải“ hay „văn dĩ tải đạo“...“

Tương cũng nên ghi nhận thêm nơi đây, giữa thập niên năm 1965, Thầy Hồ Đắc Thăng cũng là 1 trong 13 vị của Thượng Hội Đồng Quốc Gia. Vì có những khó khăn riêng nên Thầy đã xin từ chức sớm, để tập trung cho việc dạy học và thuyết giảng, in ấn kinh sách Phật Giáo.

Với trang báo có hạn người viết không thể ghi chép hết ra đây những hoạt động và công lao của Thầy Hiệu với ngôi trường Sĩ Tải và tỉnh Phước Tuy, Bà Rịa. Cần tìm

hiều thêm về Thầy, về trường Sĩ Tải, Quý độc giả có thể tìm đọc thêm trong cuốn Đặc San Sĩ Tải - Kỷ Niệm Khó Quên.

Phần cuối chương trình Tri Ân Thầy Hiệu ban tổ chức đã có buổi tiệc khoản đãi quan khách. Và để trước khi chấm dứt chương trình khoảng 3 giờ chiều các quan khách, thầy cô, cựu học sinh Sĩ Tải đã lên sân khấu chụp hình lưu niệm chung và cùng nhau hát bài Trường Làng Tôi như một quà tặng đến tất cả quan khách đang hiện diện trong khuôn viên nhà hàng. Một bài hát mà trong quãng đời học sinh không ai là không một lần biết và ca mỗi khi tưởng nhớ đến ngôi trường, các thầy cô mà mình đã có thời học qua. Người viết xin mượn một câu cuối cùng của bài hát để xin chấm dứt bài viết này:

Trường làng tôi nay vang tiếng ẽ a,

nay in bóng bao em nô đùa

Trường làng tôi không giây phút tôi quên

dù cách xa muôn trùng trường ơi.

Như một cựu học sinh, như một khách tham dự, người viết xin gửi lời chân thành cảm ơn đến anh chị trong ban tổ chức, đến Thân Hào Nhân Sĩ, Quý vị quan khách, đồng hương, thân hữu đã đến tham dự Ngày Tri Ân Thầy. Sự hiện diện và thành công của ngày này là một khích lệ rất lớn đối với toàn thể chúng tôi, những cựu học sinh Sĩ Tải đang ở mọi phương trời. Trân trọng.

Vũ Nam

(Germany)